

DANH SÁCH HỌC SINH, SINH VIÊN ĐƯỢC HỖ TRỢ ĐI LẠI, MUA ĐỒ DÙNG CÁ NHÂN NĂM 2026
(Kèm theo quyết định số /QĐ-CDLC ngày tháng năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Lào Cai)

TT	STT lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Hỗ trợ đi lại 1lần/năm	Hỗ trợ mua đồ dùng cá nhân	Ghi chú
							Thôn	Xã	Tỉnh/ TP						
Lớp Cao đẳng Biểu diễn nhạc cụ truyền thống K25: 1 Sinh viên															
1	1	2562102160002	Châu A Hồ	Nam	10/8/2007	Mông	Hồ Tra	Mường Khoa	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		012207000570
Lớp Cao đẳng Diễn viên múa K23: 1 Sinh viên															
2	1	2362102130006	Mạ Thị Minh Nguyệt	Nữ	01/9/2004	Thái	Bản Lá mường	Than Uyên	Lai Châu	Xã khu vực I	TN PTDTNT	80	x		102304000790
Lớp Cao đẳng Diễn viên múa K25: 1 Sinh viên															
3	1	2562102130003	Hà Kim Tiếp	Nam	16/10/2005	Thái	Bản Sang Ngà	Mường Than	Lai Châu	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	x		012205001071
Lớp Cao đẳng Hội họa K23: 2 Sinh viên															
4	1	2362101030001	Lương Văn Hợp	Nam	30/4/2005	Thái	Bản Màu	Sin Suối Hồ	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		012205005295
5	2	2362101030005	Trang Thị Khiêm	Nữ	26/5/2004	Giáy	Piềng Láo	Mường Hum	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010304009765
Lớp Cao đẳng Hội họa K25: 4 Sinh viên															
6	1	2562101030001	Ma Thị Ca	Nữ	12/01/2007	HMông	Nhân Giồng	Mường Khương	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010307005001
7	2	2562101030002	Cư Thị Chủ	Nữ	19/4/2007	Mông	Lùng Sán	Lùng Phình	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		010307001990
8	3	2562101030004	Trương Quý Đăng	Nam	22/02/2004	Nùng	Bồ Lũng	Bản Lầu	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ nghèo	100	x		010204008635
9	4	2562101030006	Gì A Trung	Nam	07/10/2007	Mông	Dìn Pèng	Trịnh Tường	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010207000473
Lớp Cao đẳng Piano K24: 2 Sinh viên															
10	1	2462102210006	H Nguêl NIÊ	Nữ	02/3/1999	Ê Đê	Buôn Hra A	Ea Tul	Đắk Lắk	Xã khu vực II	TN PTDTNT	80	x		066199013232
11	2	2462102210009	Vàng Seo Viên	Nam	13/10/2006	H'Mông	Phìn Giàng C	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010206009812
Lớp Cao đẳng Piano K25: 2 Sinh viên															
12	1	2562102210002	Ly Gớ Phê	Nữ	12/9/2007	Hà Nhì	Lao Chải	Y Tý	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010307000836
13	2	2562102210005	Vừ A Tăng	Nam	06/4/2005	Mông	Huổi Ít	Nậm Nèn	Điện Biên	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		011205000418
Lớp Cao đẳng Thanh nhạc K23: 4 Sinh viên															
14	1	2362102250009	Tráng Thị Sài	Nữ	12/8/2005	HMông	Làng mới	Dền Sáng	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		010305000741
15	2	2362102250010	Tản Láo Sử	Nam	25/02/2005	Dao	Suối Thầu 2	A Mú Sung	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		010205005058
16	3	2362102250011	Sùng A Tranh	Nam	08/02/2004	Mông	Huổi Mí	Nậm Nèn	Điện Biên	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		011204000564
17	4	2362102250013	Lù Thảo Vân	Nữ	17/02/2005	Mông	Bản Phụng	Lao Chải	Tuyên Quang	Thôn ĐBKK	TN PTDTNT	80	x		023050083122
Lớp Cao đẳng Thanh nhạc K24: 7 Sinh viên															
18	1	2462102250002	Thùng Thị Huyền	Nữ	01/7/2006	Thái	Pa Tản	Mường Chà	Điện Biên	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		011306001929
19	2	2462102250003	Phàn Thị Khé	Nữ	28/10/2006	Dao	Liên Hợp	Pắc Ta	Lai Châu	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		012306001728
20	3	2462102250004	Chang Thị Mến	Nữ	17/6/2005	Cống	Láng Phiêu	Mường Tè	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		012305001692

TT	STT lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Hỗ trợ đi lại 1lần/năm	Hỗ trợ mua đồ dùng cá nhân	Ghi chú
							Thôn	Xã	Tỉnh/ TP						
21	4	2462102250006	Lùng Thị Nhung	Nữ	04/3/2006	Nùng	Bản Mế	Sín Chéng	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010306008365
22	5	2462102250007	Lò Minh Phương	Nam	03/10/2006	Thái	Bản Cang	Mường Mô	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x	x	012206000511
23	6	2462102250008	Đặng Văn Tiến	Nam	05/4/2004	Tày	Nậm Khạo	Nghĩa Đô	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x	x	010204001760
24	7	2462102250009	Pờ Trung Hiếu	Nam	12/3/2002	Hà Nhì	Má Ký	Mù Cà	Lai Châu	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		012202005849
	Lớp Cao đẳng Thanh nhạc K25: 7 Sinh viên														
25	1	2562102250005	Quan Thị Kiều	Nữ	01/3/2007	Tày	Làng Chàng	Cốc Lầu	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010307007730
26	2	2562102250006	Giàng Nghị Lan	Nữ	12/01/2007	Mông	Phìn Chư	Sín Chéng	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		010307006320
27	3	2562102250010	Trần Thị Yến Nhi	Nữ	20/01/2007	Kinh	Tân Quang	Trịnh Tường	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		010307002792
28	4	2562102250012	Tráng Thị Tanh	Nữ	01/4/2003	HMông	Ngải Trồ	Y Tý	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		010303005305
29	5	2562102250016	Giàng Seo Tổ	Nam	28/3/2007	HMông	Bản Phố 1	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKk	Hộ nghèo	100	x		010207000237
30	6	2562102250017	Hoàng Văn Toan	Nam	12/10/2006	Giáy	Bản Xèo	Bản Xèo	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010206001266
31	7	2562102250019	Lò Thị Hồng Tươi	Nữ	24/02/2007	Dáy	Nậm Chạc	A Mú Sung	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		010307005509
	Lớp Trung cấp Biểu diễn nhạc cụ truyền thống K24.5: 1 Học sinh														
32	1	2452102160002	Sùng Trung Hiếu	Nam	04/3/2009	Hmông	Hoàng Hạ	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKk	Hộ cận nghèo	100	x		010209008883
	Lớp Trung cấp Biểu diễn nhạc cụ truyền thống K25.5: 1 Học sinh														
33	1	2552102160003	Vàng Thị Pằng	Nữ	01/01/2010	HMông	Bản Cầm	Phong Hải	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010310005883
	Lớp Trung cấp Hội họa K23.5: 3 Học sinh														
34	1	2352101030002	Hoàng Thị Lan	Nữ	10/12/2008	Dao	Trà Châu	Bảo Thắng	Lào Cai	Xã khu vực I	Hộ cận nghèo	100	x		010308000333
35	2	2352101030005	Sùng Thị Sú	Nữ	17/12/2008	Mông	Nàn Ma	Pà Vầy Sủ	Tuyên Quang	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		023080105240
36	3	2352101030006	La Minh Thúy	Nữ	22/01/2008	Giáy	Tổ 11	Cam Đường	Lào Cai	Xã khu vực I	Hộ cận nghèo	100	x		010308008329
	Lớp Trung cấp Hội họa K24.5: 5 Học sinh														
37	1	2452101030004	Vàng Seo Giang	Nam	26/8/2009	Mông	Phìn Giàng B	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209002314
38	2	2452101030008	Chảo Văn Lực	Nam	18/8/2009	Dao	Bản Cam	Gia Phú	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	x	x	010209005920
39	3	2452101030009	Chảo Tả Mây	Nữ	22/7/2009	Dao	Xả Chải	Ngũ Chi Sơn	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010309002440
40	4	2452101030010	Đỗ Thị Na	Nữ	04/8/2009	Kinh	Tân Lợi	Gia Phú	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ nghèo	60	x		010309007896
41	5	2452101030012	Tráng Thín Sơn	Nam	02/9/2009	Hmông	Sín Lùng Chải	Cao Sơn	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		0102

TT	STT lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Hỗ trợ đi lại 1lần/năm	Hỗ trợ mua đồ dùng cá nhân	Ghi chú
							Thôn	Xã	Tỉnh/ TP						
45	1	2352102070006	Lò Thái Hoàng	Nam	21/5/2008	Thái	Bản Lè	Chiềng La	Sơn La	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x	x	014208004372
46	2	2352102070013	Lò Thái Toàn	Nam	01/02/2008	Thái	Bản Lè	Chiềng La	Sơn La	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x	x	014208014983
47	3	2352102070015	Đèo Thị Tươi	Nữ	23/11/2008	Thái	Lun 2	Mường Kim	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		012308006604
Lớp Trung cấp Biểu diễn Múa dân gian dân tộc K24.5: 4 Học sinh															
48	1	2452102070005	Soi Thị Hào Diệu	Nữ	10/4/2009	Thái	Bản Lướt	Mường Kim	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		012309002859
49	2	2452102070010	Lường Văn Khải	Nam	10/10/2009	Thái	Bản Củng	Khoen On	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		012209001649
50	3	2452102070013	Lò Thị Khánh Ly	Nữ	30/10/2009	Thái	Nậm Ty	Nậm Hàng	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x	x	012309004011
51	4	2452102070014	Giàng Thị Phụng	Nữ	24/6/2009	Hmông	Phú Long 1	Bảo Thắng	Lào Cai	Xã khu vực I	Hộ nghèo	100	x		010309000137
Lớp Trung cấp Organ K23.5: 3 Học sinh															
52	1	2352102240003	Lù Thị Chí	Nữ	20/7/2008	Mông	La Chí Chải	Pà Vây Sủ	Tuyên Quang	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		023080019280
53	2	2352102240004	Giàng Thị Dung	Nữ	10/8/2008	HMông	Pờ Xi Ngải	Bản Xèo	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010308003114
54	3	2352102240005	Châu Thị Nù	Nữ	30/4/2008	HMông	Hô Tra	Mường Khoa	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		012308001936
Lớp Trung cấp Organ K24.5: 1 Học sinh															
55	1	2452102240006	Giàng Hoàn Thành	Nam	12/5/2009	H'Mông	Làng Mới	Bảo Nhai	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ cận nghèo	100	x		010209002902
Lớp Trung cấp Organ K25.5: 6 Học sinh															
56	1	2552102240001	Sùng Văn Anh	Nam	09/4/2010	Mông	Nậm Lòn	Cốc Lầu	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010210001720
57	2	2552102240002	Lù Văn Đoàn	Nam	07/02/2010	Mông	La Chí Chải	Pà Vây Sủ	Tuyên Quang	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		002210000180
58	3	2552102240003	Vàng Thị Dung	Nữ	24/02/2010	Mông	Phìn Giàng	Xuân Quang	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ cận nghèo	100	x		010310005192
59	4	2552102240005	Thào Văn Hào	Nam	01/6/2010	Mông	Nàn Ma	Pà Vây Sủ	Tuyên Quang	Thôn ĐBKK	Hộ cận nghèo	100	x		002210009530
60	5	2552102240008	Ly Seo Phứ	Nam	15/3/2010	Mông	Hoàng Hạ	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ nghèo	100	x		010210010206
61	6	2552102240013	Ly Seo Thành	Nam	07/5/2010	HMông	Hoàng Hạ	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ nghèo	100	x	x	010210003657
Lớp Trung cấp Thanh nhạc K23.5: 1 Học sinh															
62	1	2352102250007	Ma Thị Á Ông	Nữ	01/4/2006	Mông	Bản Kha	Sín Chéng	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010306005723
Lớp Trung cấp Thanh nhạc K25.5: 2 Học sinh															
63	1	2552102250002	Giàng Thị Gánh	Nữ	28/11/2010	Mông	Nhiều Cù Ván	Lùng Phình	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010310004175
64	2	2552102250003	Hầu Thị Khu	Nữ	13/01/2010	HMông	Pờ Si Ngải	Bản Xèo	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010310009360
Lớp Cao đẳng Công nghệ ô tô K23.CLC: 4 Sinh viên															
65	1	2365102160004	Thào A Cang	Nam	16/8/2005	H'Mông	Hua Cườm 2	Tân Uyên	Lai Châu	Xã khu vực II	TN PTDTNT	80	x		012205000260
66	2	2365102160015	Phạm Công Minh	Nam	10/7/2004	Kinh	1 Vải Siêu	Thượng Hà	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		010204004091
67	3	2365102160019	Tần Quốc Ngọc	Nam	04/6/2005	Dao	Tả Suối Cầu 1	Y Tý	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		010205010485
68	4	2365102160025	Chảo Láo Sứ	Nam	22/7/2005	Dao	Séo Tòng Sành	Cốc San	Lào Cai	Xã khu vực II	TN PTDTNT	80	x		010205006145

TT	STT lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Hỗ trợ đi lại 1lần/năm	Hỗ trợ mua đồ dùng cá nhân	Ghi chú
							Thôn	Xã	Tỉnh/ TP						
	Lớp Cao đẳng Công nghệ ô tô K24.CLC: 2 Sinh viên														
69	1	2465102160020	Chào Láo Tả	Nam	03/6/2006	Dao	Suối Thầu	A Mú Sung	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010206007705
70	2	2465102160028	Dương Thành Vũ	Nam	12/4/2006	Tày	Thôn 1 Minh Hạ	Minh Lương	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		010206003493
	Lớp Cao đẳng Công nghệ ô tô K23C: 3 Sinh viên														
71	1	2365102160113	Chu Suy Gió	Nam	01/10/2005	Hà Nhì	Mò Phú Chải	Y Tý	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010205009542
72	2	2365102160117	Lý Văn Khánh	Nam	26/01/2005	Dao	Sắc Pạ	Xuân Hòa	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		010205009561
73	3	2365102160130	Vương Quốc Toàn	Nam	18/6/2005	Tày	Ken 3	Chiềng Ken	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010205006890
	Lớp Cao đẳng Công nghệ ô tô K24A: 5 Sinh viên														
74	1	2465102160030	Hứa Ngọc Anh	Nam	16/9/2006	Dao	Bản Trà	Thượng Hà	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		010206010016
75	2	2465102160038	Ma Văn Cường	Nam	22/02/2006	HMông	Lũng Pô	A Mú Sung	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010206006075
76	3	2465102160055	Lê Xuân Hợp	Nam	25/8/2006	Giáy	Thịnh Ôi	Bản Lầu	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	x		010206000314
77	4	2465102160059	Đào Đức Khánh	Nam	19/9/2006	Kinh	Tổ 8 Bắc Lệnh	Cam Đường	Lào Cai	Xã khu vực I	Hộ cận nghèo	60	x		010206005710
78	5	2465102160063	Lý Minh Thiện	Nam	05/9/2006	Giáy	Thịnh Ôi	Bản Lầu	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	x		010206000346
	Lớp Cao đẳng Công nghệ ô tô K24B: 5 Sinh viên														
79	1	2465102160069	Lê Tuấn Hùng	Nam	11/01/2006	Kinh	Mường Hum	Mường Hum	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	60	x		010206009048
80	2	2465102160081	Đàm Đại Lộc	Nam	26/02/2006	Giáy	Quyết Tâm	Bảo Thắng	Lào Cai	Xã khu vực I	TN PTDTNT	80	x		010206009300
81	3	2465102160084	Hoàng Đình Mẫn	Nam	01/3/2006	Tày	Bản Noong	Văn Bàn	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	x		010206006006
82	4	2465102160093	Khà Văn Phúc	Nam	26/7/2006	Tày	Làng Chàng	Cốc Lầu	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010206001430
83	5	2465102160103	Đặng Trường Vũ	Nam	10/5/2006	Dao	Làng Chàng	Cốc Lầu	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010206002428
	Lớp Cao đẳng Công nghệ ô tô K24C: 2 Sinh viên														
84	1	2465102160105	Bàn Tuấn Anh	Nam	01/11/2006	Dao	Làng Đào 2	Xuân Quang	Lào Cai	Xã khu vực I	TN PTDTNT	80	x		010206008738
85	2	2465102160114	Tần Seo Lồng	Nam	15/8/2006	Mông	Nhiều Cù Ván	Lũng Phình	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010206008018
	Lớp Cao đẳng Công nghệ ô tô K25.CLC: 3 Sinh viên														
86	1	2565102160001	Đinh Việt Anh	Nam	28/01/2007	Kinh	Làng Bông	Xuân Quang	Lào Cai	Xã khu vực I	Hộ nghèo	60	x		010207000163
87	2	2565102160012	Ngô Chung Kiên	Nam	01/7/2007	Kinh	Nậm Trì	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	60	x		010207009736
88	3	2565102160016	Cư Ngọc Sơn	Nam	16/9/2006	Mông	Mảo Sao Chải	Sín Chéng	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010206001516
	Lớp Cao đẳng Công nghệ ô tô K25A: 7 Sinh viên														
89	1	2565102160027	Ly Hòa Bình	Nam	26/7/2007	Mông	Chu Liễn Chải	Si Ma Cai	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010207001786
90	2	2565102160030	Thần Văn Đà	Nam	26/01/2007	Nùng	Nàn Vải	Si Ma Cai	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010207000080
91	3	2565102160033	Bàn Mạnh Dũng	Nam	25/5/2007	Dao	Phú Sơn	Tằng Loỏng	Lào Cai	Xã khu vực I	TN PTDTNT	80	x		010207003296
92	4	2565102160045	Lò Văn Kím	Nam	10/9/2007	Thái	Bản Mới	Tân Phong	Lai Châu	Xã khu vực I	Hộ nghèo	100	x		012207006856

TT	STT lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Hỗ trợ đi lại 1lần/năm	Hỗ trợ mua đồ dùng cá nhân	Ghi chú
							Thôn	Xã	Tỉnh/ TP						
93	5	2565102160062	Nguyễn Đức Tài	Nam	28/8/2007	Kinh	Bảo Nhai	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	60	x		010207008817
94	6	2565102160069	Ninh Văn Vinh	Nam	08/01/2007	Tày	Trĩ Trong	Phúc Khánh	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		010207002046
95	7	2565202460087	Ma Văn Vĩnh	Nam	05/3/2007	Thu Lao	Đội 2	Si Ma Cai	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010207005299
	Lớp Cao đẳng Công nghệ ô tô K25B: 3 Sinh viên														
96	1	2565202270184	La Thanh Lâm	Nam	17/02/2007	Tày	Thôn 1 Minh Hạ	Minh Lương	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		010207009494
97	2	2565102160075	Lù Thành Chung	Nam	17/12/2007	Dao	Suối Thầu	Tân Phong	Lai Châu	Thôn ĐBKk	TN PTDTNT	80	x		012207003846
98	3	2565102160098	Hàng A Thành	Nam	01/4/2007	Mông	Hồ Bon	Mường Khoa	Lai Châu	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		012207007539
	Lớp Cao đẳng Công nghệ ô tô K25C: 4 Sinh viên														
99	1	2565102160110	Vàng A Chùa	Nam	04/5/2007	Mông	Bản Kha	Sín Chéng	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010507009533
100	2	2565102160120	La Văn Hiệp	Nam	15/5/2007	Tày	Tổ 2 Minh Hạ	Minh Lương	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010207001902
101	3	2565102160123	Hoàng Xuân Hội	Nam	06/3/2007	Dao	Cao Sơn	Bảo Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKk	TN PTDTNT	80	x		010207009870
102	4	2565102160135	Lò Trường Quý	Nam	30/11/2007	Giáy	Làng Mới	Bản Xèo	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010207008830
	Lớp Cao đẳng Hàn K24: 1 Sinh viên														
103	1	2465201230001	Hoàng Anh Cường	Nam	06/10/2004	Tày	Ngầu 3	Võ Lao	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		010204000834
	Lớp Cao đẳng Hàn K25: 2 Sinh viên														
104	1	2565202270059	Lương Đức Mông	Nam	06/7/2007	Tày	Thôn Chiềng 4	Võ Lao	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010207004590
105	2	2565202270077	Nguyễn Tuấn Vũ	Nam	13/12/2007	Tày	Là 1	Võ Lao	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010207009733
	Lớp Trung cấp Công nghệ ô tô K24.5A: 6 Học sinh														
106	1	2455102160006	Làng Hậu Giang	Nam	02/01/2009	Giáy	Na Án	Bản Xèo	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209001211
107	2	2455102160008	Chảo Ông Khé	Nam	11/9/2009	Dao	Nậm Phàng	Gia Phú	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	x		010209007955
108	3	2455102160012	Lý Quốc Mạnh	Nam	24/10/2009	Giáy	Thịnh Ổi	Bản Lầu	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209007420
109	4	2455102160013	Thào A Mạnh	Nam	07/11/2009	Hmông	Pờ Hồ	Mường Hum	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010209003669
110	5	2455102160017	Lù Văn Quân	Nam	04/02/2009	Nùng	Bản Mí	Xuân Hòa	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209002569
111	6	2455102160018	Châu A Sinh	Nam	27/12/2009	Hmông	Kim Sáng Hồ	Bản Xèo	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209000410
	Lớp Trung cấp Công nghệ ô tô K24.5B: 3 Học sinh														
112	1	2455102160040	Tần Kim Phụng	Nam	04/7/2009	Dao	San Lùng	Bản Xèo	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010209002888
113	2	2455102160049	Lù Đức Thành	Nam	30/11/2009	Xa Phó	An Thành	Gia Phú	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ nghèo	100	x		010209003186
114	3	2455102160050	Lò Văn Tiến	Nam	21/3/2009	Dao	Séo Trung Hồ	Bản Hồ	Lào Cai	Thôn ĐBKk	Hộ cận nghèo	100	x		010209000161
	Lớp Trung cấp Công nghệ ô tô K25.5A: 7 Học sinh														
115	1	2555102160003	Giàng Seo Đường	Nam	25/9/2010	Mông	Bản Ngò Thượng	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKk	Hộ cận nghèo	100	x		010210008097
116	2	2555102160016	Giàng Trảng Ly	Nam	27/02/2010	Hmông	Tả Tè Lẻ	Mường Hum	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010210005523

TT	STT lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Hỗ trợ đi lại lần/năm	Hỗ trợ mua đồ dùng cá nhân	Ghi chú
							Thôn	Xã	Tỉnh/ TP						
117	3	2555102160022	Chào Láo San	Nam	05/01/2010	Dao	Chu Cang Hồ	Cốc San	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010210009074
118	4	2555102160023	Chào Văn Sinh	Nam	05/9/2010	Dao	San Lùng	Bát Xát	Lào Cai	Thôn ĐBKk	Hộ nghèo	100	x		010210000157
119	5	2555102160026	Lù Văn Thế	Nam	24/6/2010	Nùng	Bản Mí	Xuân Hòa	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010210005347
120	6	2555102160030	Chào Xuân Tiến	Nam	02/11/2010	Dao	Láo Sáng	Bát Xát	Lào Cai	Thôn ĐBKk	Hộ cận nghèo	100	x		010210001678
121	7	2555102160032	Lò Sành Tùng	Nam	14/02/2010	Dao	San Lùng	Bát Xát	Lào Cai	Thôn ĐBKk	Hộ cận nghèo	100	x		010210005960
	Lớp Trung cấp Công nghệ ô tô K25.5B: 5 Học sinh														
122	1	2555102160036	Thên Văn Bằng	Nam	21/10/2010	Nùng	Na Nổi	Bản Lầu	Lào Cai	Thôn ĐBKk	Hộ cận nghèo	100	x	x	010210003712
123	2	2555102160043	Lý A Giàng	Nam	01/12/2010	Hmông	Pờ Si Ngải	Bản Xèo	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010210000420
124	3	2555102160046	Lù Xuân Hiều	Nam	20/4/2010	Nùng	Bản Mí	Xuân Hòa	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010210005978
125	4	2555102160051	Nguyễn Văn Mười	Nam	01/01/2010	Tày	Bản Đao	Xuân Hòa	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010210007491
126	5	2555102160063	Tráng Văn Vinh	Nam	15/5/2010	Nùng	Nậm Hu	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010210009788
	Lớp Trung cấp Hàn K24.4: 21 Học sinh														
127	1	2455201230015	Giàng Seo Chư	Nam	01/9/2008	HMông	Ngải Thầu	Bắc Hà	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	x		010208007548
128	2	2455201230018	Triệu Chòi Nhất	Nam	27/9/2009	Dao	Nậm Đét	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010207000061
129	3	2455201230026	Giàng Minh Tiến	Nam	13/01/2009	HMông	Xà Phìn	Bản Liền	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209005405
130	4	2455201230031	Giàng Seo Dìn	Nam	27/7/2009	Hmông	Cốc Ly Thượng	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209001428
131	5	2455201230034	Giàng Seo Hải	Nam	24/12/2009	Hmông	Sín Chải	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209008780
132	6	2455201230035	Sùng Seo Háng	Nam	17/9/2009	Mông	Cốc Sâm	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209002469
133	7	2455201230036	Chấu Seo Hường	Nam	23/5/2009	Hmông	Hoàng Hạ	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKk	Hộ cận nghèo	100	x		010209003999
134	8	2455201230038	Giàng Seo Lò	Nam	11/10/2009	Hmông	Chồ Chải	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKk	Hộ nghèo	100	x		010209001108
135	9	2455201230040	Sần Văn Lực	Nam	29/6/2009	Nùng	Nậm Giá	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209006291
136	10	2455201230041	Giàng Seo Páo	Nam	11/10/2009	Hmông	Chồ Chải	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKk	Hộ nghèo	100	x		010209004379
137	11	2455201230042	Vàng Seo Phừ	Nam	06/11/2009	Hmông	Sìn Giáo Ngải	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKk	Hộ cận nghèo	100	x		010209008333
138	12	2455201230043	Ly Seo Quan	Nam	17/8/2009	Mông	Sín Chải Cờ Cải	Tà Cù Tỷ	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010209002909
139	13	2455201230044	Vù Seo Sang	Nam	25/02/2009	HMông	Quán Dín Ngải	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKk	Hộ nghèo	100	x		010209008716
140	14	2455201230045	Lềng Sào Tấn	Nam	12/01/2009	Nùng	Sông Lắm	Tà Cù Tỷ	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010209000039
141	15	2455201230046	Giàng Seo Tàu	Nam	01/5/2009	HMông	Háng Dê	Bắc Hà	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ nghèo	100	x		010209007650
142	16	2455201230047	Lâm A Thắng	Nam	01/3/2009	Tày	Pắc Kẹ	Bản Liền	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010209000379
143	17	2455201230048	Giàng Seo Thắng	Nam	19/6/2009	Mông	Nhiều Cù Ván	Lùng Phình	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010209006847
144	18	2455201230049	Ma Seo Thao	Nam	11/6/2009	HMông	Pà Chư Tỷ	Lùng Phình	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209009335
145	19	2455201230053	Cháng Mí Vàng	Nam	09/10/2009	Mông	Sân Bay	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKk	Hộ cận nghèo	100	x		020209010290

TT	STT lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Hỗ trợ đi lại 1lần/năm	Hỗ trợ mua đồ dùng cá nhân	Ghi chú
							Thôn	Xã	Tỉnh/ TP						
146	20	2455201230056	Vàng Seo Hà	Nam	27/10/2008	HMông	Hoàng Hạ	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ nghèo	100	x		010208002531
147	21	2455201230060	Hàng Seo Sèng	Nam	15/01/2009	HMông	Pá Chư Tỷ	Lùng Phình	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x	x	010209005186
	Lớp Trung cấp Hàn K24.5: 3 Học sinh														
148	1	2455201230001	Nguyễn Đình Bắc	Nam	23/01/2009	Tày	Cù Hà	Gia Phú	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ nghèo	100	x		010209002318
149	2	2455201230007	Đình Tiến Lợi	Nam	28/7/2009	Tày	Cù Hà	Gia Phú	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	x		010209001380
150	3	2455201230012	Lục Minh Tiến	Nam	31/7/2009	Tày	Tả Thàng	Gia Phú	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ nghèo	100	x		010209007882
	Lớp Trung cấp Hàn K24.6: 8 Học sinh														
151	1	2455201230069	Vàng Tuấn Anh	Nam	17/12/2009	Mông	Máo Chóa Sù Ngải	Pha Long	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		014209013179
152	2	2455201230071	Ly Công Bình	Nam	13/8/2009	HMông	Choán Ván	Mường Khương	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209003572
153	3	2455201230073	Sùng Thị Din	Nữ	23/12/2009	Mông	Tả Thên A	Mường Khương	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010309037176
154	4	2455201230081	Sùng Thị Hoa	Nữ	01/7/2009	Mông	Tả Thên A	Mường Khương	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010309001499
155	5	2455201230084	Thào Dền Lợi	Nam	10/3/2009	Pa Dí	Sa Pá	Mường Khương	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010209002757
156	6	2455201230086	Tráng Thín Mai	Nữ	23/9/2009	Mông	Sả Chải	Pha Long	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010309000190
157	7	2455201230088	Ly Xuân Minh	Nam	19/01/2009	Dao	Cốc Râm	Mường Khương	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209006126
158	8	2455201230102	Thào Văn Thương	Nam	08/02/2009	Pa Dí	Sa Pá	Mường Khương	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209006777
	Lớp Trung cấp Hàn K25.4: 22 Học sinh														
159	1	2555201230040	Ly Seo Công	Nam	08/3/2010	H'mông	Nậm Cài	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010210005205
160	2	2555201230041	Ma Anh Cùi	Nam	01/7/2010	HMông	Sán Sả Hồ	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ nghèo	100	x		010210003349
161	3	2555201230042	Tần Seo Cường	Nam	05/5/2009	Mông	Nhiều Cù Ván	Lùng Phình	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010209000384
162	4	2555201230043	Sùng Seo Chín	Nam	29/10/2010	HMông	Sân Bay	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ cận nghèo	100	x		010210004827
163	5	2555201230046	Ma Văn Hải	Nam	15/8/2010	Mông	Kho Vàng	Cốc Lầu	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010210000512
164	6	2555201230047	Thào Seo Hồ	Nam	03/8/2010	H'mông	Tổng Thượng	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010210006294
165	7	2555201230048	Trương Văn Hòa	Nam	13/8/2010	Dao	Nậm Khánh	Bản Liền	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010210008037
166	8	2555201230049	Vàng A Kiên	Nam	26/02/2009	Tày	Pắc Kẹ	Bản Liền	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209008338
167	9	2555201230050	Sùng A Lai	Nam	15/5/2010	Mông	Sín Chải	Bắc Hà	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	x		010210003172
168	10	2555201230053	Lý Văn Minh	Nam	06/7/2010	HMông	Háng Dù	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ nghèo	100	x		010210001974
169	11	2555201230054	Sùng A Mùa	Nam	10/11/2010	Mông	Sân Chư Ván	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ cận nghèo	100	x		010210003209
170	12	2555201230056	Vàng Văn Nam	Nam	10/10/2009	Tày	Nậm Sóm	Tả Cù Tỷ	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010209007623
171	13	2555201230057	Ngô Văn Nhẫn	Nam	25/10/2010	Kinh	Nậm Trì	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	60	x		010210005315
172	14	2555201230058	Vàng Seo Phà	Nam	12/01/2010	Mông	Bản Phố 1	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ cận nghèo	100	x		010210009669
173	15	2555201230059	Thào Seo Phái	Nam	06/3/2010	Mông	Bản Phố 1	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ nghèo	100	x		010210004872

TT	STT lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Hỗ trợ đi lại 1lần/năm	Hỗ trợ mua đồ dùng cá nhân	Ghi chú
							Thôn	Xã	Tỉnh/ TP						
174	16	2555201230060	Vàng Seo Phong	Nam	11/9/2010	Mông	Bản Phở 2	Bắc Hà	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	x		010210007946
175	17	2555201230061	Giàng Seo Phổng	Nam	02/11/2009	Mông	Khu Chu Tùng	Bản Liễn	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209009757
176	18	2555201230062	Vàng Seo Phừ	Nam	14/3/2010	HMông	Sàn Chư Ván	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ cận nghèo	100	x		010210008010
177	19	2555201230064	Trắng Seo Sần	Nam	26/12/2009	Mông	Bản Phở 2C	Bắc Hà	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ nghèo	100	x		010209005322
178	20	2555201230065	Sùng Seo Sanh	Nam	18/12/2010	Mông	Cốc Sầm	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010210009226
179	21	2555201230067	Sùng Seo Sêng	Nam	01/5/2010	Hmông	Phìn Giàng	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x	x	010210005139
180	22	2555201230071	Giàng Seo Tuấn	Nam	02/02/2010	Mông	Háng Dê	Bắc Hà	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	x		010210008446
	Lớp Trung cấp Hàn K25.5: 5 Học sinh														
181	1	2555201230006	Đặng Quang Đức	Nam	04/7/2010	Dao	Nậm Kha 2	Cốc Lầu	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010210002273
182	2	2555201230014	Đoàn Mạnh Nguyên	Nam	29/10/2009	Kinh	Tân Lợi	Gia Phú	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	60	x		010209007986
183	3	2555201230018	Vàng Sèo Páo	Nam	08/12/2009	Mông	Na Mạ 2	Bản Lầu	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	x		010209002467
184	4	2555201230022	Sùng Văn Sơn	Nam	14/01/2010	Hmông	Lũng Pô 1	A Mú Sung	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010210005114
185	5	2555201230025	Chấu Thành Tiên	Nam	12/8/2010	Hmông	Hoàng Hạ	Bắc Hà	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ nghèo	100	x		010210009517
	Lớp Cao đẳng Hướng dẫn du lịch K24: 12 Sinh viên														
186	1	2468101030007	Nguyễn Thị Diễm	Nữ	06/8/2006	Kinh	Làng Bông	Xuân Quang	Lào Cai	Xã khu vực I	Hộ nghèo	60	x		010306004933
187	2	2468101030009	Lồ Thị Dung	Nữ	02/01/2006	H.Mông	Hmông	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		010306004918
188	3	2468101030012	Đặng Thị Hồng Duyên	Nữ	27/11/2001	Dao	Bản 2 Vành	Bảo Yên	Lào Cai	Xã khu vực II	TN PTDTNT	80	x		010301006228
189	4	2468101030017	Phùng Mạnh Giang	Nam	28/9/2006	Tày	Bổng Buôm	Bảo Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ cận nghèo	100	x		010206007297
190	5	2468101030018	Ma A Giông	Nam	07/11/2006	HMông	Ma Sao Phìn Thấp	Khun Há	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		012206001096
191	6	2468101030021	Giàng Thị May Hương	Nữ	14/6/2006	Hmông	Giàng Tra	Tả Phìn	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		010306003948
192	7	2468101030022	Phù Đức Huy	Nam	02/9/2006	Thái	Bản Đán Đăm	Than Uyên	Lai Châu	Xã khu vực I	TN PTDTNT	80	x		012206000373
193	8	2468101030029	Chào Tả Mẩy	Nữ	14/3/2006	Dao	Suối Thầu Dao	Mường Bo	Lào Cai	Thôn ĐBKK	TN PTDTNT	80	x		010306002881
194	9	2468101030033	Sùng Thị Mú	Nữ	01/02/2006	Hmông	Ý Linh Hồ 2	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010306005498
195	10	2468101030039	Cư A Sáng	Nam	25/12/2006	Hmông	Mai Đào	Thượng Hà	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010206001821
196	11	2468101030040	Giàng Thị Sây	Nữ	12/3/2006	Hmông	Bản Pho	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		010306000813
197	12	2468101030043	Hoàng Văn Thiệu	Nam	16/9/2006	Giáy	Nậm Choỏng	Phong Hải	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		010206005951
	Lớp Cao đẳng Hướng dẫn du lịch K25: 6 Sinh viên														
198	1	2568101030106	Thào Seo Tình	Nam	27/11/2007	H'Mông	Trung La	Bắc Hà	Lào Cai	Xã khu vực II	TN PTDTNT	80	x		010207006858
199	2	2568101030004	Tao Ngọc Dung	Nữ	03/02/2007	Thái	Bản Pa Tẩn	Pa Tẩn	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		012307006650
200	3	2568101030015	Lý Tả Mây	Nữ	03/4/2004	Dao	Vù Lũng Sung	Tả Phìn	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		010304000391
201	4	2568101030020	Lý Thị Nhung	Nữ	12/11/2007	Dao	Thôn Bó	Phúc Khánh	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		010307008258

TT	STT lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Hỗ trợ đi lại 1lần/năm	Hỗ trợ mua đồ dùng cá nhân	Ghi chú
							Thôn	Xã	Tỉnh/ TP						
202	5	2568101030024	Lù Chí Quyết	Nam	17/7/2004	Nùng	Pha Long 2	Pha Long	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010204009026
203	6	2568101030029	Vù Di Su	Nam	20/8/2008	Hà Nhì	Kin Chu Phìn 1	Mường Hum	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010308000220
	Lớp Cao đẳng Hướng dẫn du lịch K25A.TTQ: 7 Sinh viên														
204	1	2568101030040	Hoàng Thị Chải	Nữ	29/01/2006	Nùng	Pạc Trà	Mường Khương	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010306000361
205	2	2568101030044	Giàng Mạnh Cường	Nam	08/11/2007	Mông	Seng Sui	Lùng Phình	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010207008613
206	3	2568101030046	Giàng Thị Dừa	Nữ	15/12/2007	Hmông	Bản Páy	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	TN PTDTNT	80	x		010307008501
207	4	2568101030049	Sùng Thị Duyên	Nữ	11/11/2007	Mông	Bản Chu Va 12	Bình Lư	Lai Châu	Xã khu vực II	TN PTDTNT	80	x		012307003303
208	5	2568101030051	Triệu Thúy Hà	Nữ	17/6/2007	Dao	Phú Sơn	Tằng Loóng	Lào Cai	Xã khu vực I	TN PTDTNT	80	x		010307003933
209	6	2568101030065	Hàng Seo Lúa	Nam	15/9/2007	Mông	Cốc Lầu	Cốc Lầu	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		010207004256
210	7	2568101030070	Chảo Thị Mùi	Nữ	01/8/2007	Dao	Bản Liên Hợp	Pắc Ta	Lai Châu	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		012307008427
	Lớp Cao đẳng Hướng dẫn du lịch K25B.TTQ: 4 Sinh viên														
211	1	2568101030045	Trương Thị Bích Đào	Nữ	24/9/2007	Sán Chi	Đồng Mòng 2	Phúc Khánh	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		010307003844
212	2	2568101030075	Hàng Seo Phừ	Nam	25/10/2006	Mông	Nàn Sín	Sín Chéng	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010206003687
213	3	2568101030095	Đặng Quang Văn	Nam	21/8/2004	Dao	Thôn 7 Mai Đào	Thượng Hà	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010204005994
214	4	2568101030096	Vàng Thị Viên	Nữ	23/12/2006	Hmông	Háng Dê	Bắc Hà	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	x		010306001225
	Lớp Cao đẳng Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành K24: 6 Sinh viên														
215	1	2468101010010	Tao Thị Hương	Nữ	04/9/2006	Lự	Bản Hôn	Khun Há	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		012306000887
216	2	2468101010012	Tần Thị Lành	Nữ	09/12/2004	Dao	Sin Câu	Tả Lèng	Lai Châu	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		012304001373
217	3	2468101010018	Chảo San Mây	Nữ	24/8/2006	Dao	Kim Ngan	Ngũ Chi Sơn	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010306008289
218	4	2468101010019	Lý Lờ Mây	Nữ	26/8/2006	Dao	Tả Chải	Tả Phìn	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		010306000838
219	5	2468101010021	Sùng Thị Pằng	Nữ	24/10/2005	Hmông	Vạn Dền Sứ 2	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		010305000913
220	6	2468101010023	Vàng A Phừ	Nam	15/11/2005	Hmông	Ý Linh Hồ 2	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010205003948
	Lớp Cao đẳng Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành K25: 5 Sinh viên														
221	1	2568101010001	Hoàng Thị Lan Anh	Nữ	11/01/2005	Thái	Bản Bô	Dương Quý	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		010305006289
222	2	2568101010008	Phạm Minh Đức	Nam	05/12/2007	Kinh	Tân Lập	Bảo Hà	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ nghèo	60	x		010207007496
223	3	2568101010012	Hoàng Thị Hằng Nga	Nữ	15/9/2007	Dao	Thôn 4 Vải Siêu	Thượng Hà	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		010307005834
224	4	2568101010018	Dương Thanh Trúc	Nữ	18/9/2007	Nùng	Nậm Dù	Xuân Quang	Lào Cai	Xã khu vực I	Hộ cận nghèo	100	x		010307003260
225	5	2568101010020	Hù Ha Xa	Nam	27/4/2006	Xa Phó	Nậm Sang	Mường Bo	Lào Cai	Thôn ĐBK	Hộ cận nghèo	100	x		010206003378
	Lớp Cao đẳng Quản trị khách sạn K24: 5 Sinh viên														
226	1	2468102010002	Tụ Thị Phương Anh	Nữ	20/11/2006	Tày	Làng Chàng	Cốc Lầu	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010306001347
227	2	2468102010014	Phu Có Giở	Nam	10/10/2006	Hà Nhì	Lao Chải	Trịnh Tường	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010206003138

TT	STT lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Hỗ trợ đi lại 1lần/năm	Hỗ trợ mua đồ dùng cá nhân	Ghi chú
							Thôn	Xã	Tỉnh/ TP						
228	3	2468102010017	Vũ Thảo Lan	Nữ	30/01/2006	Hmông	Bám Mẹt	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010306007349
229	4	2468102010019	Tân Tả Mây	Nữ	08/11/2005	Dao	Suối Thầu 3	A Mú Sung	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		010305004601
230	5	2468102010023	Sần Xá Nơ	Nữ	01/01/2006	Hà Nhì	Choán Thèn	Y Tý	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010306001133
	Lớp Cao đẳng Quản trị khách sạn K25: 5 Sinh viên														
231	1	2568102010003	Lồ A Chinh	Nam	08/02/2007	Hmông	Lồ Lao Chải	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010207009860
232	2	2568102010013	Lý Văn Hùng	Nam	15/3/2007	Dao	Tả Cù Tỷ	Tả Cù Tỷ	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010207003291
233	3	2568102010017	Nguyễn Thị Huyền Linh	Nữ	25/6/2005	Tày	Đồng Tâm	Bảo Thắng	Lào Cai	Xã khu vực I	TN PTDTNT	80	x		010305000119
234	4	2568102010024	Có Gi Sảng	Nam	28/10/2007	Hà Nhì	San Hồ	Trịnh Tường	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010207004333
235	5	2568102010036	Tao Văn Xeng	Nam	02/8/2007	Lự	Bản Hon	Khun Há	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		012207004189
	Lớp Trung cấp Hướng dẫn du lịch K24.7A: 5 Học sinh														
236	1	2458101030023	Vù Seo Sý	Nam	18/12/2009	HMông	Nậm Than	Mường Bo	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	x		010204004461
237	2	2458101030026	Thào Thị Dinh	Nữ	05/5/2009	HMông	San II	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010309003591
238	3	2458101030028	Lý Thị Ghênh	Nữ	15/11/2009	HMông	Lao Hàng Chải	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010309000327
239	4	2458101030030	Lý Tả Mây	Nữ	02/11/2009	Dao	Nậm Ngẩn	Mường Bo	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	x		010309006536
240	5	2458101030031	Chảo Mùi Nương	Nữ	06/4/2009	Dao	Bản Toòng	Bản Hồ	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ nghèo	100	x		010309004148
	Lớp Trung cấp Hướng dẫn du lịch K24.7B: 5 Học sinh														
241	1	2458101030054	Vàng Thị Thâm	Nữ	20/12/2009	Mông	Nậm Than	Mường Bo	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	x		010309009679
242	2	2458101030055	Lồ Thị Dờ	Nữ	09/9/2009	Mông	TDP Cầu Mây 2	Sa Pa	Lào Cai	Thôn ĐBKk	Hộ nghèo	100	x		010309002907
243	3	2458101030056	Lồ Thị Mây	Nữ	19/6/2009	HMông	Lồ	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010308007578
244	4	2458101030059	Hạng Thị Sâu	Nữ	10/10/2009	HMông	TDP Ô Quý Hồ 3	Sa Pa	Lào Cai	Thôn ĐBKk	Hộ nghèo	100	x		010309002168
245	5	2458101030064	Giàng Thị Xua	Nữ	15/6/2009	Mông	Thôn Hàng	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010309009152
	Lớp Trung cấp Hướng dẫn du lịch K25.5: 9 Học sinh														
246	1	2558101030004	Vù A Choè	Nam	02/12/2010	HMông	Tả Cồ Thàng	Trịnh Tường	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010210008298
247	2	2558101030008	Phạm Mai Giang	Nữ	11/5/2010	Kinh	Tổ 1	Văn Bàn	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	60	x	x	025310011214
248	3	2558101030014	Chang Thị Ka	Nữ	29/10/2010	Hmông	Giàng Tra	Tả Phìn	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010310003453
249	4	2558101030017	Tải Huyền Lam	Nữ	20/10/2010	Nùng	Nậm Păn	Mường Khương	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010310004381
250	5	2558101030020	Phùng Thị Loan	Nữ	03/4/2010	Dao	Ngải Trồ	A Mú Sung	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010310002977
251	6	2558101030028	Vàng Seo Phiên	Nam	20/3/2010	Hmông	Lao Phú Sáng	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKk	Hộ nghèo	100	x		010210005228
252	7	2558101030029	Tráng Seo Quang	Nam	23/6/2010	Mông	Dìn Chin 1	Pha Long	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010210009371
253	8	2558101030032	Hoàng Thị Sín	Nữ	02/01/2010	Mông	Pạc Bo	Bản Lầu	Lào Cai	Thôn ĐBKk	Hộ cận nghèo	100	x		010310006432
254	9	2558101030036	Sùng Seo Tiễn	Nam	08/01/2010	Hmông	Hoàng Hạ	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKk	Hộ nghèo	100	x		010210009603

TT	STT lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Hỗ trợ đi lại 1lần/năm	Hỗ trợ mua đồ dùng cá nhân	Ghi chú
							Thôn	Xã	Tỉnh/ TP						
	Lớp Trung cấp Hướng dẫn du lịch K25.7: 5 Học sinh														
255	1	2558101030051	Giàng A Cáng	Nam	13/7/2010	Hmông	Tả Van Mông	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010210002225
256	2	2558101030054	Thào Thị Chú	Nữ	15/9/2010	Hmông	Hòa Sừ Pán 2	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010310004451
257	3	2558101030055	Hạng A Dế	Nam	01/01/2010	Hmông	Séo Mý Tỷ	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010210005747
258	4	2558101030064	Giàng A Phùng	Nam	08/02/2009	Hmông	Dền Thàng	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209000048
259	5	2558101030070	Lồ Thị Sóng	Nữ	15/6/2010	Hmông	Lồ	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010310002784
	Lớp Trung cấp Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn K24.1: 8 Học sinh														
260	1	2453403020089	Bàn Trọng Vi	Nam	22/7/2009	Dao	Tân Thắng	Bảo Thắng	Lào Cai	Xã khu vực I	Hộ cận nghèo	100	x		010209004640
261	2	2458102050054	Lý Thị Ngọc Ánh	Nữ	25/9/2009	Dao	Nhai Tền 1	Bảo Hà	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	x		010309002618
262	3	2458102050071	Triệu Chí Hùng	Nam	07/4/2009	Dao	Phú Sơn	Tăng Loỏng	Lào Cai	Xã khu vực I	Khuyết tật	100	x		010209004223
263	4	2458102050076	Cư Seo Mãnh	Nam	18/12/2009	Mông	Ái Nam	Phong Hải	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209006102
264	5	2458102050079	Trương Thị Ngọc	Nữ	15/6/2009	Dao	Làng Đền	Tăng Loỏng	Lào Cai	Xã khu vực I	Hộ cận nghèo	100	x		010309006995
265	6	2458102050082	Trần Thị Kim Phượng	Nữ	07/8/2009	Kinh	Phú Long 2	Bảo Thắng	Lào Cai	Xã khu vực I	Hộ nghèo	60	x		010309031519
266	7	2458102050096	Đặng Quốc Việt	Nam	16/6/2008	Kinh	Làng Bông	Bảo Thắng	Lào Cai	Xã khu vực I	Hộ cận nghèo	60	x		010208004377
267	8	2458102050098	Bàn Thị Yến	Nữ	11/4/2009	Dao	Quyết Tâm	Bảo Thắng	Lào Cai	Xã khu vực I	Hộ cận nghèo	100	x		010309007675
	Lớp Trung cấp Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn K24.4: 22 Học sinh														
268	1	2458102050101	Vàng Thị Kim Dung	Nữ	20/11/2009	Tày	Sả Mào Phố	Tả Cù Tỷ	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010309005699
269	2	2458102050105	Vàng Thị Ngát	Nữ	25/6/2009	Tày	Đội 2	Bắc Hà	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	x		010309005501
270	3	2458102050106	Vàng Thị Thanh Phương	Nữ	24/5/2009	Phù Lá	Na Hối Tày	Bắc Hà	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	x		010309007533
271	4	2458102050107	Sùng Seo Sanh	Nam	27/8/2009	Mông	Pà Chư Tỷ	Lùng Phình	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209009734
272	5	2458102050110	Vù Xuân Trắng	Nam	01/7/2009	HMông	Sân Bay	Bắc Hà	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	x		010209004375
273	6	2458102050112	Ma Thị Lan Anh	Nữ	19/01/2009	HMông	Cốc Cài Thượng	Bắc Hà	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	x		010309008959
274	7	2458102050114	Lục Tứ Chức	Nam	01/3/2009	Nùng	Na Lang	Bắc Hà	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ nghèo	100	x		010209005853
275	8	2458102050115	Vàng Tiến Đạt	Nam	22/12/2009	La Chí	Nậm Giá	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209003409
276	9	2458102050116	Lùng Văn Đình	Nam	03/8/2009	Nùng	Na Ân	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209009041
277	10	2458102050118	Hoàng Thị Gương	Nữ	22/7/2009	Nùng	Nậm Làn Cốc Cài	Bắc Hà	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	x		010309008620
278	11	2458102050119	Thên Thị Hạnh	Nữ	03/10/2009	Nùng	Nậm Thàng	Bản Liền	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010309001759
279	12	2458102050120	Triệu Xuân Hiếu	Nam	11/12/2009	Dao	Làng Tát	Cốc Lầu	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209006410
280	13	2458102050123	Thào Seo Hồng	Nam	05/01/2007	HMông	Nậm Thố	Bắc Hà	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ nghèo	100	x		010207008138
281	14	2458102050124	Nguyễn Hữu Hưng	Nam	03/4/2009	Kinh	Làng Chàng	Cốc Lầu	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	60	x		010209006328
282	15	2458102050126	Hoàng Thị Loan	Nữ	01/01/2009	Nùng	Nậm Mòn	Bắc Hà	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	x		010309007659

TT	STT lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Hỗ trợ đi lại 1lần/năm	Hỗ trợ mua đồ dùng cá nhân	Ghi chú
							Thôn	Xã	Tỉnh/ TP						
283	16	2458102050127	Triệu Quang Lực	Nam	12/10/2009	Dao	Làng Cù	Cốc Lầu	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010209008389
284	17	2458102050129	Triệu Phúc Quang	Nam	13/4/2009	Dao	Làng Cù	Cốc Lầu	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010209008970
285	18	2458102050131	Sùng Thị Sờ	Nữ	16/3/2009	Mông	Dì Thàng	Bắc Hà	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	x		010309007170
286	19	2458102050132	Lèng Văn Thiểu	Nam	15/5/2008	Nùng	Nậm Hán 2	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010208008454
287	20	2458102050134	Liêu Văn Tinh	Nam	05/6/2009	Tày	Sả Mào Phố	Tả Củ Tỷ	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209007486
288	21	2458102050142	Lù Thị Hiếu	Nữ	09/4/2009	Nùng	Nậm Táng	Bản Liền	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010309003426
289	22	2458102050151	Phạm Anh Thư	Nữ	12/11/2009	Kinh	Bảo Nhai	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	60	x		010309007212
Lớp Trung cấp Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn K24.5: 1 Học sinh															
290	1	2458102050028	Sèn Thị Kiều	Nữ	29/9/2008	Giáy	Cửa Cái	Bản Xèo	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010308004611
Lớp Trung cấp Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn K24.5.CLC: 3 Học sinh															
291	1	2458102050012	Bản Thị Phấy	Nữ	19/3/2009	Dao	Ít Nộc	Văn Bàn	Lào Cai	Thôn ĐBK	Hộ cận nghèo	100	x		010309005901
292	2	2458102050014	Sùng Thị Phương	Nữ	09/9/2009	Hamông	Lũng Pô	A Mú Sung	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010309001122
293	3	2458102050018	Vàng Thị Thanh Thảo	Nữ	11/02/2008	Giáy	Đoàn Kết	Phong Thổ	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		012308007447
Lớp Trung cấp Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn K24.7A: 6 Học sinh															
294	1	2458102050156	Giàng A Ngọc	Nam	03/3/2009	Hamông	Nậm Than	Mường Bo	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	x		010209008858
295	2	2458102050157	Hầu Thị Báu	Nữ	25/9/2009	Hamông	Dền Thàng	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010309004533
296	3	2458102050160	Thào A Chơ	Nam	07/9/2009	Hamông	San II	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209009053
297	4	2458102050165	Lồ A Hàng	Nam	17/4/2009	Hamông	Lồ	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010209001269
298	5	2458102050166	Lý A Phay	Nam	05/12/2009	Hamông	TDP Sa Pa 2	Sa Pa	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	x		010209000252
299	6	2458102050168	Lồ A Sáu	Nam	06/11/2009	Hamông	Lồ	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010209000375
Lớp Trung cấp Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn K24.7B: 6 Học sinh															
300	1	2458102050196	Lồ Thị Dưa	Nữ	22/9/2009	Mông	Hang Đá	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010309007703
301	2	2458102050206	Chang A Phong	Nam	01/4/2009	Hamông	Tả Van Dáy 1	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010209004418
302	3	2458102050209	Hầu Thường Trang	Nam	08/8/2009	Hamông	Dền Thàng	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209004166
303	4	2458102050212	Lý Thị Xao	Nữ	10/12/2009	Mông	TDP Cầu Mây 2	Sa Pa	Lào Cai	Thôn ĐBK	Hộ nghèo	100	x		010309004391
304	5	2458102050215	Lý A Hồng	Nam	21/7/2009	Hamông	Hầu Chư Ngải	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010209006401
305	6	2458102050229	Chang A Lù	Nam	23/01/2009	Hamông	Tả Van Dáy 1	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010209001479
Lớp Trung cấp Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn K25.5: 1 Học sinh															
306	1	2558102050062	Vàng Thị Xoa	Nữ	30/6/2010	Mông	Nậm Hán 1	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010310005241
Lớp Trung cấp Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn K25.5.CLC: 3 Học sinh															
307	1	2558102050001	Lý Thị Cá	Nữ	19/6/2010	Hamông	Pờ Si Ngải	Bản Xèo	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010310006462

TT	STT lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Hỗ trợ đi lại 1lần/năm	Hỗ trợ mua đồ dùng cá nhân	Ghi chú
							Thôn	Xã	Tỉnh/ TP						
308	2	2558102050015	Tần Lữ Mây	Nữ	27/10/2010	Dao	Ngải Trồ	A Mú Sung	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010310001694
309	3	2558102050018	Tráng Thị Nguyễn	Nữ	05/02/2010	Nùng	Na Cạp	Cao Sơn	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010310009435
	Lớp Trung cấp Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn K25.7A: 7 Học sinh														
310	1	2558102050074	Giăng Thị Chư	Nữ	10/01/2010	Hmông	TDP Hàm Rồng 3	Sa Pa	Lào Cai	Thôn ĐBKk	Hộ cận nghèo	100	x		010310000318
311	2	2558102050075	Vàng A Chừ	Nam	18/4/2010	Hmông	Lao Chải San 2	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010210003227
312	3	2558102050076	Hạng A Chừ	Nam	28/8/2010	Hmông	TDP Hàm Rồng 3	Sa Pa	Lào Cai	Thôn ĐBKk	Hộ nghèo	100	x		010210000095
313	4	2558102050077	Lồ A Cờ	Nam	27/01/2009	Hmông	Lồ	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010209009090
314	5	2558102050079	Vàng Thị Dinh	Nữ	20/10/2010	Hmông	TDP Ô Quý Hồ 3	Sa Pa	Lào Cai	Thôn ĐBKk	Hộ nghèo	100	x		010310004621
315	6	2558102050080	Lồ Thị Dờ	Nữ	20/10/2009	Hmông	TDP Sa Pa 4	Sa Pa	Lào Cai	Thôn ĐBKk	Hộ nghèo	100	x		010309000342
316	7	2558102050102	Thào A Tra	Nam	05/3/2010	Hmông	Lao Chải San 2	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010210005494
	Lớp Trung cấp Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn K25.7B: 8 Học sinh														
317	1	2558102050106	Lý Thị Bâu	Nữ	06/5/2010	Mông	Bản Pho	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010310001404
318	2	2558102050108	Hàng A Chơ	Nam	22/7/2010	Mông	Tả Ghênh	Phình Hồ	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		015210005900
319	3	2558102050111	Châu A Hinh	Nam	25/8/2008	Hmông	Chu Lìn 1	Tả Phìn	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010208001106
320	4	2558102050114	Vàng A Lề	Nam	04/4/2010	Hmông	Ý Linh Hồ 2	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010210007555
321	5	2558102050116	Hạng A Lừ	Nam	22/10/2010	Hmông	TDP Sa Pa 3	Sa Pa	Lào Cai	Thôn ĐBKk	Hộ cận nghèo	100	x		010210009836
322	6	2558102050129	Giăng A Tùng	Nam	28/6/2009	Mông	San 1	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010209002513
323	7	2558102050130	Hạng A Vàng	Nam	04/8/2010	Hmông	TDP Hàm Rồng 1	Sa Pa	Lào Cai	Thôn ĐBKk	Hộ nghèo	100	x		010210001996
324	8	2558102050134	Má Thị Xua	Nữ	17/12/2009	Hmông	TDP Hàm Rồng 2	Sa Pa	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ nghèo	100	x		010309006599
	Lớp Cao đẳng Điện công nghiệp K23.CLC: 5 Sinh viên														
325	1	2365202270004	Mai Minh Công	Nam	10/01/2005	Kinh	Đông Cắm	Gia Phú	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	60	x		010205006565
326	2	2365202270007	Hoàng Đức Hiệp	Nam	15/6/2004	Tày	Bản Chang	Phúc Lợi	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		015204000130
327	3	2365202270019	Lý Láo Tả	Nam	29/3/2005	Dao	Ngải Trồ	Dền Sáng	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010205002851
328	4	2365202270020	Tần Lao Tả	Nam	20/9/2004	Dao	Lao Chải	Sì Lở Lầu	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		012204003510
329	5	2365202270021	Tần Láo Tả	Nam	11/02/2005	Dao	Dền Sáng	Dền Sáng	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010205001452
	Lớp Cao đẳng Điện công nghiệp K24.CLC: 4 Sinh viên														
330	1	2465202270002	Tần Hữu Biên	Nam	19/5/2006	Dao	Piêng Láo	Mường Hum	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010206008314
331	2	2465202270015	Phàng A Sinh	Nam	01/4/2006	Mông	Sàng Ma Sáo	Dền Sáng	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010206005273
332	3	2465202270016	Chảo Láo Tả	Nam	28/12/2006	Dao	Ky Quan San	Mường Hum	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010206003171
333	4	2465202270020	Đặng Văn Vị	Nam	19/02/2006	Dao	Làng Pàm	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010206003796
	Lớp Cao đẳng Điện công nghiệp K24A: 1 Sinh viên														

TT	STT lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Hỗ trợ đi lại 1lần/năm	Hỗ trợ mua đồ dùng cá nhân	Ghi chú
							Thôn	Xã	Tỉnh/ TP						
334	1	2465202270053	Lù Thanh Tùng	Nam	22/5/2006	Giáy	Nậm Cùm	Mường Tè	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		012206007929
	Lớp Cao đẳng Điện công nghiệp K24B: 7 Sinh viên														
335	1	2465202270055	Lường Văn Dân	Nam	22/6/2006	Thái	Nà Lang	Bum Nưa	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		012206003336
336	2	2465202270056	Lý Suy Do	Nam	01/6/2006	Hà Nhì	Kin Chu Phin 1	Mường Hum	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010206007745
337	3	2465202270060	Tòng Trung Khiển	Nam	12/8/2006	Thái	Nà Lang	Bum Nưa	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		012206003099
338	4	2465202270066	Vàng Văn Phúc	Nam	03/10/2006	Thái	Nà Hè	Bum Nưa	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		012206006151
339	5	2465202270071	Hoàng Minh Quang	Nam	05/7/2002	Giáy	Ná Ấn	Bản Xèo	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010202000859
340	6	2465202270073	Phạm Văn Quyền	Nam	10/6/2006	Kinh	Liên Hà 7	Bảo Hà	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	60	x		010206005879
341	7	2465202270082	Lò Anh Tuấn	Nam	13/7/2006	Thái	Mường Tè	Mường Tè	Lai Châu	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		012206006189
	Lớp Cao đẳng Điện công nghiệp K24C: 3 Sinh viên														
342	1	2465202270105	Sùng Seo Thắng	Nam	07/9/2006	HMông	Sá Ván Sừ Mẩn Khang	Lùng Phình	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010206004732
343	2	2465202270106	Lù Văn Thoan	Nam	20/02/2006	Thái	Nà Ngò	Nậm Sỏ	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		012206001834
344	3	2465202270108	Lò Văn Trục	Nam	11/10/2006	Thái	Bản Cang	Mường Mô	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		012206000513
	Lớp Cao đẳng Điện công nghiệp K25.CLC: 4 Sinh viên														
345	1	2565202270002	Giàng Seo Chiến	Nam	18/12/2007	Hmông	Sân Bay	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ nghèo	100	x		010207002755
346	2	2565202270004	Hoàng Cao Chuẩn	Nam	22/7/1995	Tày	Tượng 1	Hợp Thành	Lào Cai	Xã khu vực II	TN PTDTNT	80	x		010095009460
347	3	2565202270008	Đặng San Dũng	Nam	10/7/2007	Dao	Tằng Loỏng	Tằng Loỏng	Lào Cai	Xã khu vực I	TN PTDTNT	80	x		010207002894
348	4	2565202270019	Lò Văn Lâm	Nam	17/9/2004	Thái	Nậm Hàng	Nậm Hàng	Lai Châu	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		012204000385
	Lớp Cao đẳng Điện công nghiệp K25A: 6 Sinh viên														
349	1	2565202270031	Chảo Đức Anh	Nam	19/5/2007	Dao	Dền Sáng	Dền Sáng	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010207009504
350	2	2565202270040	Trần Thế Duy	Nam	15/3/2004	Kinh	Thôn 3	Tân Uyên	Lai Châu	Xã khu vực I	Hộ nghèo	60	x	x	012204001779
351	3	2565202270052	Hoàng Văn Khánh	Nam	20/12/2007	Dao	Bản Trang	Trịnh Tường	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010207003845
352	4	2565202270055	Lò Văn Lượng	Nam	05/01/2007	Thái	Bản Nà Hoi	Tân Uyên	Lai Châu	Xã khu vực II	TN PTDTNT	80	x		012207000186
353	5	2565202270065	Lò Văn Sú	Nam	16/6/2006	Dao	Quyết Tiến	Pắc Ta	Lai Châu	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		012206001910
354	6	2565202270070	Vàng A Tinh	Nam	06/11/2007	Mông	Bản Hua Ít	Nậm Sỏ	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		012207000796
	Lớp Cao đẳng Điện công nghiệp K25B: 7 Sinh viên														
355	1	2565202270084	Lý Thanh Bình	Nam	13/7/2006	Tày	Nhuần 3	Tằng Loỏng	Lào Cai	Xã khu vực I	Hộ cận nghèo	100	x		010206001010
356	2	2565202270094	Hoàng Bình Dương	Nam	09/12/2007	Tày	Văn Tiến	Văn Bàn	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ cận nghèo	100	x	x	010207001626
357	3	2565202270096	Lâm Văn Hái	Nam	01/02/2007	Tày	Đội 4	Bản Liễn	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010207000441
358	4	2565202270109	Hoàng Đức Lương	Nam	24/11/2007	Nùng	Piềng Láo	Mường Hum	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010207006738
359	5	2565202270111	Giàng Seo Minh	Nam	05/5/2007	Hmông	Sân Bay	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ cận nghèo	100	x		010207008252

TT	STT lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Hỗ trợ đi lại lần/năm	Hỗ trợ mua đồ dùng cá nhân	Ghi chú
							Thôn	Xã	Tỉnh/ TP						
360	6	2565202270116	Trần Bảo Quốc	Nam	19/11/2007	Kinh	Hàm Rồng	Phước Khánh	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	60	x		010207009168
361	7	2565202270119	Hoàng Minh Thư	Nam	20/11/2007	Tày	Trĩ Ngoài	Phước Khánh	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010207008639
Lớp Cao đẳng Điện công nghiệp K25C: 7 Sinh viên															
362	1	2565202270128	Vũ Văn Chiến	Nam	09/10/2007	Kinh	Thôn 11	Bát Xát	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	60	x	x	010207004411
363	2	2565202270143	Vàng A Kỳ	Nam	11/8/2007	Mông	Pờ Xi Ngai	Nậm Chày	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		010207006884
364	3	2565202270144	Vàng Văn Lớ	Nam	06/01/2007	Dao	Láo Vàng	Bát Xát	Lào Cai	Thôn ĐBKK	TN PTDTNT	80	x		010207005115
365	4	2565202270161	Lương Anh Tuấn	Nam	26/4/2003	Tày	Na Nổi	Bản Lầu	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ cận nghèo	100	x		010203000611
366	5	2565202270163	Vương Thanh Tùng	Nam	18/01/2007	Tày	Bề 1	Chiềng Ken	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		010207007879
367	6	2565202270164	Lý Văn Tường	Nam	12/11/2007	Thái	Bản Mẩn 1	Sin Suối Hồ	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		012207004196
368	7	2565202270165	Phà A Va	Nam	03/9/2002	HMông	Mà Sa Phìn	Minh Lương	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x	x	010202003585
Lớp Cao đẳng Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí K24A: 1 Sinh viên															
369	1	2465202050015	Lý Ngọc Tuấn	Nam	06/5/2006	Dao	Bản Trang	Trịnh Tường	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010206009616
Lớp Cao đẳng Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí K24B: 1 Sinh viên															
370	1	2465202050034	Nguyễn Bảo Khương	Nam	27/9/2006	Kinh	Bản Mẹt	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	60	x		010206000582
Lớp Cao đẳng Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí K25A: 4 Sinh viên															
371	1	2565202050004	Trần Thành Công	Nam	15/4/2007	Kinh	Nậm Sắt 4	Bắc Hà	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	60	x		010207004993
372	2	2565202050007	Lò Đức Duy	Nam	30/12/2007	Thái	Bản Ến Nội	Than Uyên	Lai Châu	Xã khu vực I	Khuyết Tật	100	x		012207005656
373	3	2565202050009	La Mạnh Hoàn	Nam	31/7/2007	Tày	Bản Mạ	Văn Bàn	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ nghèo	100	x		010207006035
374	4	2565202050024	Hoàng Trung Phước	Nam	17/01/2007	Tày	Nhuần 2	Tằng Loỏng	Lào Cai	Xã khu vực I	TN PTDTNT	80	x		010207006412
Lớp Cao đẳng Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí K25B: 3 Sinh viên															
375	1	2565202050042	Nguyễn Đình Đức	Nam	31/10/2007	Kinh	Thôn 13	Văn Bàn	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ nghèo	60	x	x	010207006638
376	2	2565202050051	Hoàng Đình Luẩn	Nam	28/10/2007	Tày	Nhuần 2	Tằng Loỏng	Lào Cai	Xã khu vực I	TN PTDTNT	80	x		010207004849
377	3	2565202050063	Thào A Thường	Nam	21/11/2006	Mông	Phùng Mông	Bản Hồ	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ nghèo	100	x		010206007496
Lớp Cao đẳng Vận hành nhà máy thủy điện K24A: 8 Sinh viên															
378	1	2465202460004	Tao Thanh Chi	Nam	05/10/2006	Thái	Huổi Hán	Sin Suối Hồ	Lai Châu	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		012206006318
379	2	2465202460006	Ly Co Co	Nam	15/8/2006	La Hủ	Phì Khò	Bum Tở	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		012206001378
380	3	2465202460008	Sí Quốc Cường	Nam	03/01/2006	Giáy	Ná Ắn	Bản Xèo	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010206009863
381	4	2465202460015	Lò Văn Duy	Nam	04/10/2002	Thái	Nậm Hải	Mường Mô	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		012202004296
382	5	2465202460016	Phàn Văn Đăng	Nam	20/8/2006	Dao	Nậm Tồn	Bản Liễn	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010206009576
383	6	2465202460021	Vàng Văn Hải	Nam	01/4/2006	Thái	Phiêng Kham	Bum Nưa	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		012206005783
384	7	2465202460022	Lù Văn Hiệp	Nam	05/4/2006	Thái	Nà Lang	Bum Nưa	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		012206005853

TT	STT lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Hỗ trợ đi lại 1lần/năm	Hỗ trợ mua đồ dùng cá nhân	Ghi chú
							Thôn	Xã	Tỉnh/ TP						
385	8	2465202460023	Vương Hải Hiệp	Nam	26/6/2006	Tày	Khôi Mèo	Khánh Yên	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ nghèo	100	x	x	010206008966
	Lớp Cao đẳng Vận hành nhà máy thủy điện K24B: 12 Sinh viên														
386	1	2465202460035	Lý Mạnh Cường	Nam	08/3/2006	Thái	Bản Mẩn	Bum Tở	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		012206006686
387	2	2465202460036	Nông Thị Diện	Nữ	23/8/2005	Thái	Bản Cang	Khổng Lào	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		012305000474
388	3	2465202460037	Vàng Thò Hừ	Nam	07/01/2005	La Hủ	Bản Phi Chi A	Bum Nưa	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		012205004037
389	4	2465202460040	Pờ Thị Linh	Nữ	08/9/2005	Thái	Bản Cang	Khổng Lào	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		012305003068
390	5	2465202460042	Tổng Văn Long	Nam	03/11/2004	Thái	Nậm Cùm 2	Mường Tè	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		012204004364
391	6	2465202460043	Lù Văn Luân	Nam	10/3/2006	Thái	Nà Hừ 2	Bum Nưa	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		012206006812
392	7	2465202460045	Vàng Thị Như	Nữ	14/5/2005	Thái	Phai Cát	Khổng Lào	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		012305000473
393	8	2465202460046	Ly Thanh Phà	Nam	13/02/2006	La Hủ	Bản A Mại	Bum Nưa	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		012206008078
394	9	2465202460047	Vàng Văn Phi	Nam	26/4/2006	Thái	Nà Lang	Bum Nưa	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		012206006247
395	10	2465202460050	Lý Thị Phương	Nữ	13/01/2006	Dao	Lũng Pô	A Mú Sung	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010306002785
396	11	2465202460056	Vàng Văn Sờ	Nam	05/3/2006	Tày	Nậm Lúc Hạ	Cốc Lầu	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010206002890
397	12	2465202460057	Chim Văn Sơn	Nam	01/4/2006	Thái	Nà Hẻ	Bum Nưa	Lai Châu	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		012206004665
	Lớp Cao đẳng Vận hành nhà máy thủy điện K24C: 6 Sinh viên														
398	1	2465202460074	Mào Văn Lâm	Nam	08/6/2006	Thái	Bản Bum	Bum Nưa	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		012206003374
399	2	2465202460077	Vàng A Lê	Nam	05/9/2006	Hmông	Bản Phố	Dền Sáng	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010206004545
400	3	2465202460081	Lù Đức Lương	Nam	20/11/2006	Thái	Nà Ấng	Bum Tở	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		012206004345
401	4	2465202460092	Phàng A Thành	Nam	22/6/2006	Mông	Bản Phố	Dền Sáng	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		0
402	5	2465202460097	Lò Vĩnh Tường	Nam	05/10/2005	Thái	Nậm Hải	Mường Mô	Lai Châu	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		012205000349
403	6	2465202460099	Thào Minh Viện	Nam	27/6/2006	Mông	Bản Hợp 2	Dào San	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		012206007299
	Lớp Cao đẳng Vận hành nhà máy thủy điện K25A: 19 Sinh viên														
404	1	2565202460001	Phan Tuấn Bảo	Nam	02/02/2007	Thái	Phiêng Diêm	Lê Lợi	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		012207007146
405	2	2565202460003	Pờ Lo Cà	Nam	07/3/2007	La Hủ	Bản Sín Chải B	Bum Nưa	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		012207007735
406	3	2565202460004	Pờ Xế Cà	Nam	19/12/2007	La Hủ	Bản Sín Chải B	Bum Nưa	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		012207002693
407	4	2565202460008	Phạm Duy Cương	Nam	21/5/2000	Nùng	Di Thàng	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	TN PTDTNT	80	x		010200000977
408	5	2565202460009	Lù A Nù Da	Nam	07/10/2007	Hmông	Sàn Phàng Cao	Khun Há	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		012207002327
409	6	2565202460012	Vàng Hừ Đô	Nam	07/12/2007	La Hủ	Mô Chi	Pa Ủ	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		012207000578
410	7	2565202460013	Lý A Dung	Nam	10/8/2007	Mông	Huổi Lính	Mường Mô	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		012207000600
411	8	2565202460016	Đặng Văn Hà	Nam	23/3/2008	Dao	Nậm Lầy	Cốc Lầu	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010208003591
412	9	2565202460017	Mạ Xuân Hậu	Nam	02/5/2007	Hà Nhì	Bản Má Ký	Mù Cà	Lai Châu	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		012207000807

TT	STT lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Hỗ trợ đi lại 1 lần/năm	Hỗ trợ mua đồ dùng cá nhân	Ghi chú
							Thôn	Xã	Tỉnh/ TP						
413	10	2565202460018	Phùng Đức Huân	Nam	23/4/2007	La Hủ	Bản Seo Thèn	Bum Nura	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		012207000510
414	11	2565202460019	Vàng Phi Hùng	Nam	30/6/2006	La Hủ	Bản Phi Chi A	Bum Nura	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		012206007769
415	12	2565202460022	Phàn Đình Khương	Nam	16/7/2006	Dao	Cốc Đăm	Cốc Lầu	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010206001348
416	13	2565202460024	Khoàng Thái Linh	Nam	19/01/2006	Hà Nhì	Bản Xi Nế	Mù Cà	Lai Châu	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		012206008088
417	14	2565202460025	Lý Văn Lực	Nam	17/5/2007	Thái	Nà Lang	Bum Nura	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		012207002011
418	15	2565202460028	Lường Văn Nam	Nam	07/02/2007	Thái	Bản Nà Phầy	Hua Bum	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x	x	012207007659
419	16	2565202460029	Pờ Chà Nâm	Nam	17/7/2007	Si La	Bản Seo Hai	Bum Tờ	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x	x	012207001677
420	17	2565202460032	Lò Văn Pinh	Nam	04/10/2006	Lự	Phìn Hồ	Hồng Thu	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		012206005561
421	18	2565202460037	Lò Văn Thương	Nam	06/3/2007	Cống	Bản Xám Láng	Mường Tè	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		012207007529
422	19	2565202460038	Giàng A Tính	Nam	18/9/2007	Mông	Bản Nậm Dinh	Tà Tổng	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		012207000804
	Lớp Cao đẳng Vận hành nhà máy thủy điện K25B: 16 Sinh viên														
423	1	2565202460047	Hoàng Văn Đông	Nam	29/7/2007	Dáy	Thôn 12	Bát Xát	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ nghèo	100	x		010207000469
424	2	2565202460046	Cà Văn Công	Nam	20/10/2007	Thái	Bản Bum	Bum Nura	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		012207006619
425	3	2565202460050	Vàng A Dũng	Nam	15/7/2007	Hmông	Giản Dứa Chải	Minh Lương	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010207007690
426	4	2565202460055	Thàn Hồng Hải	Nam	20/4/2007	Giáy	Suối Thầu	Bản Lầu	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	x		010207009677
427	5	2565202460057	Vàng A Hồng	Nam	23/11/2006	HMông	Giàng Dứa Chải	Minh Lương	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010206009719
428	6	2565202460058	Đào Văn Hùng	Nam	18/5/2007	Thái	Bản Bum	Bum Nura	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		012207002394
429	7	2565202460064	Phà A Linh	Nam	15/6/1996	HMông	Giàng Dứa Chải	Minh Lương	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010096003325
430	8	2565202460065	Lý Đức Long	Nam	30/3/2006	Hà Nhì	Bản Gò Cự	Mù Cà	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		012206006369
431	9	2565202460066	Lý Văn Long	Nam	12/02/1994	Cống	Bản Láng Phiếu	Mường Tè	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x	x	012094003264
432	10	2565202460067	Long Bảo Lực	Nam	04/6/2007	Nùng	Nậm Pản	Mường Khương	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010207006350
433	11	2565202460068	Sùng A Minh	Nam	02/02/2006	Mông	Bản Cấn Câu	Sín Suối Hồ	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		012206001993
434	12	2565202460072	Mùa A Phình	Nam	15/10/2007	Mông	Pa Tết	Mường Toong	Điện Biên	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		012207003328
435	13	2565202460077	Lò Văn Quỳnh	Nam	29/01/2007	Cống	Láng Phiếu	Mường Tè	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x	x	012207004592
436	14	2565202460078	Vàng A San	Nam	01/01/2007	Mông	Bản Cấn Câu	Sín Suối Hồ	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		012207004258
437	15	2565202460082	Giàng A Thi	Nam	04/3/2000	HMông	Mà Sa Phìn	Minh Lương	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x	x	010200005399
438	16	2565202460086	Chu Chu Tường	Nam	19/8/2005	Hà Nhì	Bản Gò Cự	Mù Cà	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		012205007399
	Lớp Trung cấp Điện công nghiệp K24.5: 2 Học sinh														
439	1	2455202270021	Lù Thái Ngọc	Nam	05/6/2009	Nùng	Na Vang	Cao Sơn	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010209006816
440	2	2455202270027	Tải Văn Thông	Nam	01/12/2009	Nùng	Nậm Rúp	Mường Khương	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209009009
	Lớp Trung cấp Điện dân dụng K25.5: 4 Học sinh														

TT	STT lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Hỗ trợ đi lại 1lần/năm	Hỗ trợ mua đồ dùng cá nhân	Ghi chú
							Thôn	Xã	Tỉnh/ TP						
441	1	2555202260007	Cao Sỹ Hùng	Nam	06/01/2009	Dao	Bản Trà	Thượng Hà	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x	x	010209004895
442	2	2555202260008	Phan Văn Khiêm	Nam	14/8/2010	Nùng	Na Hạ	Bản Lầu	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	x		010210004109
443	3	2555202260019	La Công Vinh	Nam	17/01/2010	Tày	Mường 1	Gia Phú	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	x		010210004433
444	4	2555202260002	Lành Văn Cường	Nam	20/11/2006	Thái	Nà Áng	Bum Tở	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		012206005108
	Lớp Trung cấp Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp K24.1B: 4 Học sinh														
445	1	2455202010044	Bản Văn Diễn	Nam	06/3/2009	Dao	Trà Trầu	Bảo Thắng	Lào Cai	Xã khu vực I	Hộ cận nghèo	100	x		010209003101
446	2	2455202010054	La Văn Hiếu	Nam	10/12/2009	Tày	Bảo Nhai	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209002481
447	3	2455202010070	Nguyễn Hồng Quân	Nam	02/4/2009	Kinh	Khởi Xá Ngoài	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	60	x		010209005725
448	4	2455202010074	Sùng Văn Thiểu	Nam	07/8/2009	Nùng	Vì Mã	Phong Hải	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209002913
	Lớp Trung cấp Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí K24.5: 1 Học sinh														
449	1	2455202050004	Giàng A Minh	Nam	29/5/2009	HMông	Hoàng Hạ	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ cận nghèo	100	x		010209003435
	Lớp Trung cấp Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí K25.5: 2 Học sinh														
450	1	2555202050021	Chảo Ông Ton	Nam	04/02/2010	Dao	Trát 2	Tằng Loong	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ nghèo	100	x		010210002636
451	2	2555202050024	Trần Xuân Trường	Nam	21/11/2010	Kinh	Na Vai	Bản Lầu	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	60	x		010210002454
	Lớp Trung cấp Vận hành nhà máy thủy điện K25.5: 12 Học sinh														
452	1	2555202460001	Phà A Cánh	Nam	25/12/2010	Hmông	Mà Sa Phìn	Minh Lương	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010210005662
453	2	2555202460005	Giàng A Dế	Nam	16/3/2006	Hmông	Ma Sa Phìn	Minh Lương	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x	x	010206002804
454	3	2555202460007	Giàng Thị Hà	Nữ	20/10/2007	Hmông	Mà Sa Phìn	Minh Lương	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010307006545
455	4	2555202460008	Giàng A Khương	Nam	23/7/2010	HMông	Mà Sa Phìn	Minh Lương	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x	x	010210006388
456	5	2555202460009	Giàng Thị Mừng	Nữ	13/02/2008	Hmông	Mà Sa Phìn	Minh Lương	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010308004957
457	6	2555202460010	Mào Văn Ngân	Nam	25/11/2005	Thái	Nà Lang	Bum Nưa	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		012205007468
458	7	2555202460011	Giàng A Nhừ	Nam	02/7/2008	Hmông	Mà Sa Phìn	Minh Lương	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x	x	010208006162
459	8	2555202460012	Phà A Sênh	Nam	08/02/2008	Hmông	Mà Sa Phìn	Minh Lương	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x	x	010208000307
460	9	2555202460013	Đào Văn Thuận	Nam	26/12/2003	Thái	Bản Bum	Bum Nưa	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		012203003905
461	10	2555202460015	Giàng Thị Tươi	Nữ	13/11/2009	Hmông	Mà Sa Phìn	Minh Lương	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010309007961
462	11	2555202460016	Giàng A Vi	Nam	05/6/2007	Hmông	Ma Sa Phìn	Minh Lương	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010207005294
463	12	2555202460018	Phà A Xả	Nam	06/10/2008	Hmông	Mà sa Phìn	Minh Lương	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x	x	010208004181
	Lớp Cao đẳng Điều dưỡng K23: 6 Sinh viên														
464	1	2367203010104	Cư Thành Công	Nam	27/8/2005	Hmông	Sáng Lùng Chéng	Cao Sơn	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận Nghèo	100	x		010205003766
465	2	2367203010107	Đặng Thị Thu Hà	Nữ	02/10/2005	Dao	Bản 1	Thượng Hà	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		010305007388
466	3	2367203010124	Vương Kim Thảo	Nữ	25/10/2004	Tày	Trung Tâm	Khánh Yên	Lào Cai	Thôn ĐBKK	TN PTDTNT	80	x		010304000802

TT	STT lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Hỗ trợ đi lại 1lần/năm	Hỗ trợ mua đồ dùng cá nhân	Ghi chú
							Thôn	Xã	Tỉnh/ TP						
467	4	2367203010125	Lục Thị Thúy	Nữ	24/7/2005	Tày	1 Vài Siêu	Thượng Hà	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		010305002660
468	5	2367203010129	Ly Thị Út	Nữ	03/8/2005	Hmông	Cốc Rế	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	x		010305005657
469	6	2367203010135	Cư Thị Hoa	Nữ	08/02/2005	HMông	Sín Chải	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận Nghèo	100	x		010305010054
	Lớp Cao đẳng Điều dưỡng K24C: 5 Sinh viên														
470	1	2467203010084	Sùng Dính	Nữ	15/5/2006	Mông	Ngải Phóng Chồ	Cao Sơn	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận Nghèo	100	x		010306005818
471	2	2467203010098	Hoàng Thị Lan	Nữ	14/01/2001	Tày	Tổ 3	Cam Đường	Lào Cai	xã khu vực I	TN PTDTNT	80	x		010301004326
472	3	2467203010107	Cư Sơn	Nam	08/4/2005	HMông	Lò Suối Tùng	Cao Sơn	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận Nghèo	100	x		010205005009
473	4	2467203010109	Sùng Thảo	Nam	17/6/2006	HMông	Ngải Phóng Chồ	Cao Sơn	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận Nghèo	100	x		010206006254
474	5	2467203010115	Cư Thị Thương	Nữ	10/10/2006	Mông	Lò Suối Tùng	Cao Sơn	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010306009568
	Lớp Cao đẳng Điều dưỡng K24D: 8 Sinh viên														
475	1	2467203010134	Hoa Thị Hạnh	Nữ	15/10/2006	Giáy	Phăng Tao	Bản Lầu	Lào Cai	xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	x		010306000226
476	2	2467203010141	Thên Thị Luận	Nữ	13/02/2006	Nùng	Sín Chải	Bắc Hà	Lào Cai	xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	x		010306002562
477	3	2467203010142	Hà Thị Luyến	Nữ	29/4/1998	Thái	Văn Tiến	Văn Bàn	Lào Cai	Thôn ĐBKk	Hộ cận nghèo	100	x		015198004286
478	4	2467203010148	Hoàng Thị Quỳnh Nga	Nữ	25/10/2006	Mông	Phổ Cũ	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010306000933
479	5	2467203010160	Vàng Như Quỳnh	Nữ	27/01/2006	Tày	Na Lo	Bắc Hà	Lào Cai	xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	x		010306004740
480	6	2467203010161	Hoàng Thị Say	Nữ	01/4/2006	Mông	Sín Chải 2	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010306007189
481	7	2467203010162	Cư Minh Sèng	Nam	30/10/2005	Hmông	Lò Suối Tùng	Cao Sơn	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010205008229
482	8	2467203010171	Lý Thị Tuyết	Nữ	16/02/2006	Dao	Quy Ke	Phong Hải	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		010306003466
	Lớp Cao đẳng Điều dưỡng K24E: 3 Sinh viên														
483	1	2467203010192	Đặng Thị Ngân	Nữ	15/7/2005	Dao	Nậm Lầy	Cốc Lầu	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Cận Nghèo	100	x		010305008570
484	2	2467203010198	Thào Thị Sanh	Nữ	23/3/2006	Mông	Nậm Vạc 1	Pa Tần	Lai Châu	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		012306003477
485	3	2467203010210	Hoàng Anh Tú	Nữ	01/01/2004	Hmông	Ngã Ba	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Cận Nghèo	100	x		010304007418
	Lớp Cao đẳng Điều dưỡng K25B: 11 Sinh viên														
486	1	2567203010042	Sùng Chu	Nữ	27/7/2007	H'mông	Pa Cheo Phìn A	Cao Sơn	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010307006030
487	2	2567203010043	Lường Thị Thanh Chúc	Nữ	03/9/2007	Nùng	Khau Dự	Mường Lai	Lào Cai	xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	x		015307002392
488	3	2567203010044	Nguyễn Thanh Chúc	Nữ	27/9/2007	Nùng	Khởi Bung	Bảo Nhai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010307006754
489	4	2567203010045	Thào Thị Diễm	Nữ	24/5/2007	Pa Dí	Tùng Lâu	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010307005356
490	5	2567203010046	Phạm Minh Đức	Nam	12/10/2007	Kinh	Na Năng	Phong Hải	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	60	x		010207003816
491	6	2567203010054	Lý Thị Thanh Liêm	Nữ	27/10/2007	Dao	Cốc Lầu	Cốc Lầu	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x	x	010307002233
492	7	2567203010060	Sùng Mai	Nữ	08/01/2006	HMông	Pa Cheo Phìn A	Cao Sơn	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010306009341
493	8	2567203010066	Lầu Thị Sâu	Nữ	03/9/2007	Hmông	Ngải Thầu	Dền Sáng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010307005491

TT	STT lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Hỗ trợ đi lại lần/năm	Hỗ trợ mua đồ dùng cá nhân	Ghi chú
							Thôn	Xã	Tỉnh/ TP						
494	9	2567203010068	Hầu Thị Sơn	Nữ	20/3/2007	HMông	Phan Cán Sừ	Y Tý	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x	x	010307004536
495	10	2567203010081	Lý Thị Xinh	Nữ	18/3/2007	HMông	Làng Mới	Dền Sáng	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		010307004714
496	11	2567203010083	Sùng Thị Xuân	Nữ	01/02/2007	Mông	Ngái Phóng Chồ	Cao Sơn	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	x		010307004887
	Lớp Cao đẳng Điều dưỡng K25C: 8 Sinh viên														
497	1	2567203010092	Lùng Thị Hoài Cúc	Nữ	19/12/2007	Nùng	Nàn Vái	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Cận Nghèo	100	x		010307001924
498	2	2567203010095	Vàng Xí De	Nữ	14/6/2007	La Hủ	Chà Gá	Bum Nưa	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	x		123070072014
499	3	2567203010100	Hoàng Thị Kim Dung	Nữ	04/02/2007	HMông	Seo Cán Hồ	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		100307006418
500	4	2567203010108	Vùi Thị Hằng	Nữ	08/10/2007	Giáy	Bản Mường Tè	Mường Tè	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ cận Nghèo	100	x		012307001832
501	5	2567203010113	Lý Thị Huệ	Nữ	05/02/2007	Cống	Láng Phiếu	Mường Tè	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	x		012307000511
502	6	2567203010117	Giàng Minh Huy	Nam	29/7/2007	HMông	Háng Dê	Bắc Hà	Lào Cai	xã khu vực II	Hộ cận Nghèo	100	x		010207008455
503	7	2567203010127	Lý Thu Linh	Nữ	21/9/2007	Dao	Bản Trang	Trịnh Tường	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận Nghèo	100	x		010307001654
504	8	2567203010129	Ma Văn Lương	Nam	19/12/2006	HMông	Bãi Bằng	Cao Sơn	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận Nghèo	100	x		010206010073
	Lớp Cao đẳng Điều dưỡng K25D: 6 Sinh viên														
505	1	2567203010151	Đặng Thúy Nguyên	Nữ	08/3/2006	Dao	Tân Thắng	Bảo Thắng	Lào Cai	xã khu vực I	TN PTDTNT	80	x		010306006201
506	2	2567203010157	Nguyễn Thị Bích Phượng	Nữ	04/7/2007	Kinh	Đo Ngoài	Bảo Thắng	Lào Cai	xã khu vực I	Hộ cận nghèo	60	x	x	010307003296
507	3	2567203010159	Trần Như Quỳnh	Nữ	24/9/2007	Kinh	Đo Ngoài	Bảo Thắng	Lào Cai	xã khu vực I	Hộ cận nghèo	60	x	x	010307004597
508	4	2567203010161	Lìu Thị Minh Tâm	Nữ	25/7/2007	Giáy	Thịnh Ôi	Bản Lầu	Lào Cai	xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	x		010307005047
509	5	2567203010166	Đào Thị Thùy	Nữ	20/02/2007	Thái	Mường Tè	Mường Tè	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	x		012307003935
510	6	2567203010173	Vàng Thị Kiều Trinh	Nữ	15/01/2007	Tày	Na Pắc Ngam	Bắc Hà	Lào Cai	xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	x		010307002847
	Lớp Cao đẳng Dược K23: 5 Sinh viên														
511	1	2367202010052	Giàng Thị Ca	Nữ	26/02/2004	Mông	Nà Ké 1	Hồng Thu	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	x		012304000327
512	2	2367202010062	Đào Minh Hiếu	Nam	19/12/2004	Thái	Nà Lang	Bum Nưa	Lai Châu	xã khu vực III	Khuyết tật	100	x		012204001350
513	3	2367202010070	Phàn Thị Diệu Linh	Nữ	16/7/2005	Dao	Quy Ke	Phong Hải	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	x		001305010070
514	4	2367202010079	Đặng Ngọc Quỳnh	Nữ	27/12/2005	Dao	Vĩ Kê	Trịnh Tường	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		010305007909
515	5	2367202010085	Hoàng Thị Thu Trang	Nữ	16/10/2005	Tày	Tượng 1	Hợp Thành	Lào Cai	xã khu vực II	TN PTDTNT	80	x		010305000722
	Lớp Cao đẳng Dược K24A: 6 Sinh viên														
516	1	2467202010004	Hoàng Thị Dĩnh	Nữ	20/7/2002	Mông	Na Lốc 4	Bản Lầu	Lào Cai	Thôn ĐBK	TN PTDTNT	80	x		010302000240
517	2	2467202010005	Nguyễn Ánh Dương	Nữ	24/3/2006	Mường	Tân Lợi	Gia Phú	Lào Cai	xã khu vực II	Hộ Nghèo	100	x		010306006745
518	3	2467202010008	Sào Suy Gộ	Nữ	13/5/2002	Hà Nhì	A Lù 1	Y Tý	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010302008322
519	4	2467202010020	Ngô Thị Huyền My	Nữ	08/10/2006	Kinh	Tân Thượng	Xuân Quang	Lào Cai	xã khu vực I	TN PTDTNT	80	x		010306004723
520	5	2467202010025	Phan Bích Ngọc	Nữ	02/01/2006	Tày	Nà Lốc 1	Văn Bàn	Lào Cai	xã khu vực II	TN PTDTNT	80	x		010306007258

TT	STT lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Hỗ trợ đi lại 1lần/năm	Hỗ trợ mua đồ dùng cá nhân	Ghi chú
							Thôn	Xã	Tỉnh/ TP						
521	6	2467202010029	Đỗ Thị Hải Yến	Nữ	05/12/2003	Kinh	Nậm Kha 2	Cốc Lầu	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		0100303001519
	Lớp Cao đẳng Dược K24B: 5 Sinh viên														
522	1	2467202010033	Giàng Thị Giáo	Nữ	29/7/2006	Mông	Thào Hồng Dền	Tả Van	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		010306005884
523	2	2467202010034	Tráng Thị Gió	Nữ	10/10/2005	HMông	Khoai 3	Bảo Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	TN PTDTNT	80	x		010305004946
524	3	2467202010040	Vàng Go Lan	Nữ	03/5/2005	Hà Nhì	Nậm Lọ B	Bum Tở	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		012305001689
525	4	2467202010044	Giàng Xuân Quang	Nam	12/5/2004	HMông	Cửa Cải	Xuân Quang	Lào Cai	xã khu vực I	TN PTDTNT	80	x		010204010382
526	5	2467202010053	Vàng Quang Vinh	Nam	09/7/2006	Mông	Thào Chư Phìn	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010206001526
	Lớp Cao đẳng Dược K25: 4 Sinh viên														
527	1	2567202010003	La Thị Ánh	Nữ	20/3/2006	Tày	Tông Hốc	Dương Quỳ	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010306006247
528	2	2567202010013	Lý Thị Huốt	Nữ	08/4/2007	Mông	Làng Vây 1	Phong Thổ	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x	x	012307003867
529	3	2567202010016	Trần Thị Mai Loan	Nữ	15/4/2007	Nùng	Bản Mẹt	Bảo Nhai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010307000299
530	4	2567202010032	Vàng Thiên Tâm	Nam	25/6/2006	Mông	Hồ Sáo Chải	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010206008156
	Lớp Cao đẳng Công nghệ thông tin K24: 5 Sinh viên														
531	1	2464802020003	Nguyễn Đình Chiến	Nam	02/01/2005	Kinh	Na Nổi	Bản Lầu	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ cận nghèo	60	x		010205001095
532	2	2464802020004	Cư Mạnh Chung	Nam	02/3/2006	Mông	Lồ Suối Tùng	Cao Sơn	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010206009205
533	3	2464802020010	Triệu Vĩnh Hùng	Nam	21/7/2006	Dao	Tả Thàng	Gia Phú	Lào Cai	xã khu vực II	Khuyết tật	100	x		010206003212
534	4	2464802020016	Ma Văn Minh	Nam	17/02/2006	HMông	Sàng Lùng Chéng	Cao Sơn	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010206002679
535	5	2464802020021	Thào Sà	Nam	16/01/2005	HMông	Pa Cheo Phìn A	Cao Sơn	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010205003530
	Lớp Cao đẳng Công nghệ thông tin K25: 6 Sinh viên														
536	1	2564802020024	Cứ A Phừ	Nam	01/4/2002	Mông	Ma Sao Phìn Cao	Khun Há	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		012202000343
537	2	2564802020003	Giàng Seo Hanh	Nam	02/12/2007	HMông	Nàng Càng	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010207000541
538	3	2564802020006	Sùng A Hồng	Nam	02/9/2007	HMông	Ma Sao Phìn Thấp	Khun Há	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		012207007114
539	4	2564802020007	Ma Chấn Hùng	Nam	25/7/2006	Mông	Mào Phìn	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010206009380
540	5	2564802020018	Hoàng Đình Văn	Nam	08/8/2005	Tày	Làng Chút	Văn Bàn	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ nghèo	100	x		010205007448
541	6	2564802020021	Long Văn Vũ	Nam	21/8/2007	Nùng	Tùng Lâu	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010207001686
	Lớp Cao đẳng Tiếng Anh K23: 5 Sinh viên														
542	1	2362202060001	Giàng Thị Báu	Nữ	10/02/2005	Mông	Hầu Chư Ngải	Tả Van	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		010205003444
543	2	2362202060009	Chảo Tả Mỷ	Nữ	28/12/2005	Dao	Nậm Cùm	Mường Bo	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ cận nghèo	100	x		010205002867
544	3	2362202060010	Phàn San Mỷ	Nữ	19/12/2005	Dao	Tả Chải Dao	Tả Van	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		010205001650
545	4	2362202060015	Mùa Thị Tấu	Nữ	20/10/2001	Mông	Trung Súa	Na Son	Điện Biên	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		011301006693
546	5	2362202060016	Chấu Thị Hằng	Nữ	06/11/2005	Hmông	Bản già	Tả Cù Tỷ	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		

TT	STT lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Hỗ trợ đi lại 1lần/năm	Hỗ trợ mua đồ dùng cá nhân	Ghi chú
							Thôn	Xã	Tỉnh/ TP						
	Lớp Cao đẳng Tiếng Anh K24: 8 Sinh viên														
547	1	2462202060003	Tòng Thị Duyên	Nữ	22/01/2004	Thái	Nà Cà	Bình Lư	Lai Châu	Thôn ĐBKk	TN PTDTNT	80	x		012304001175
548	2	2462202060006	Phà Ta Gơ	Nữ	05/3/2006	Hà Nhì	Sín Chải	Y Tý	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010306001536
549	3	2462202060009	Hàng Thị Kê	Nữ	06/10/2006	Mông	Dền Sang	Dào San	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		012306007302
550	4	2462202060011	Tần Tả Mây	Nữ	07/8/2006	Dao	Sim San 2	Y Tý	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010306001531
551	5	2462202060012	Phu Ly Mé	Nữ	02/9/2006	Hà Nhì	Sín Chải	Y Tý	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010306005775
552	6	2462202060015	Phú Mờ Phia	Nữ	01/7/2006	Hà Nhì	Kin Chu Phin 1	Mường Hum	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010306008057
553	7	2462202060016	Sào Sá So	Nữ	05/10/2006	Hà Nhì	Kin Chu Phin 1	Mường Hum	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010306008426
554	8	2462202060017	Giàng Thị Sông	Nữ	30/12/2005	Mông	Chinh Chư Phin	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		010305004816
	Lớp Cao đẳng Tiếng Anh K25: 3 Sinh viên														
555	1	2562202060013	Lò Tả Mây	Nữ	08/8/2002	Dao	Vù Lùng sung	Tả Phin	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		010302000731
556	2	2562202060010	Tráng A Sùng	Nam	10/6/2003	Mông	6 Vành	Bảo Yên	Lào Cai	Thôn ĐBKk	TN PTDTNT	80	x		010203008388
557	3	2562202060012	Tần Thị Xuân	Nữ	14/4/2001	Dao	San Bang	Bát Xát	Lào Cai	xã khu vực II	TN PTDTNT	80	x		010301000434
	Lớp Cao đẳng Tiếng Trung Quốc K23C: 8 Sinh viên														
558	1	2362202090089	Khánh Thị Câu	Nữ	01/01/2005	Mông	Huổi Toóng 1	Mường Tùng	Điện Biên	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		011305000392
559	2	2362202090090	Chấu Thị Đan Chi	Nữ	29/3/2005	Nùng	Na Đầy	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010305001170
560	3	2362202090091	Sùng Mạnh Cường	Nam	01/12/2005	Mông	Phổ Cũ	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010205008210
561	4	2362202090104	Cư Seo Hồng	Nam	04/11/2005	HMông	Phổ Thầu	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010205003844
562	5	2362202090106	Sùng A Ký	Nam	29/11/2005	HMông	Cốc Phà	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010205005283
563	6	2362202090111	Lương Văn Mạnh	Nam	25/7/2000	Xa Phó	Ta Khuẩn	Văn Bàn	Lào Cai	Thôn ĐBKk	TN PTDTNT	80	x		010200004394
564	7	2362202090112	Cư Seo Minh	Nam	09/10/2005	HMông	Phổ Thầu	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010205005037
565	8	2362202090121	Vương Thế Tài	Nam	20/11/2004	Giáy	La Nổi	Bản Lầu	Lào Cai	xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	x		010204001320
	Lớp Cao đẳng Tiếng Trung Quốc K24A: 11 Sinh viên														
566	1	2462202090008	Lù Thị Dung	Nữ	24/8/2006	Nùng	Na Hối Nùng	Bắc Hà	Lào Cai	xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	x		010306000976
567	2	2462202090009	Hoàng Thị Diễm	Nữ	02/10/2004	Dao	Rừng Ôi Khèo Thầu	Tả Lềng	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		012304001173
568	3	2462202090010	Lò Thị Hậu Giang	Nữ	06/9/2004	Thái	Bản Chiềng Nưa	Lê Lợi	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		012304000083
569	4	2462202090013	Nguyễn Thị Hoài Lan	Nữ	20/6/2006	Tày	Hạnh Phúc	Tân Hợp	Lào Cai	xã khu vực II	TN PTDTNT	80	x		015306001894
570	5	2462202090014	Vàng Mỹ Linh	Nữ	06/11/2006	Dao	Dền Sáng	Dền Sáng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010306003206
571	6	2462202090018	Phàn Thị Anh Thư	Nữ	06/4/2006	Dao	Bản Lọt	Phong Hải	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		010306004468
572	7	2462202090020	Giàng A Tiến	Nam	13/7/2006	Mông	Sán Chúng	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010206001514
573	8	2462202090021	Đèo Minh Tiệp	Nam	04/11/2006	Thái	Hợp Nhất	Bản Bo	Lai Châu	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		012206001868

TT	STT lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Hỗ trợ đi lại 1lần/năm	Hỗ trợ mua đồ dùng cá nhân	Ghi chú
							Thôn	Xã	Tỉnh/ TP						
574	9	2462202090023	Sân Tài Tô	Nữ	16/12/2006	Hoa	Thèn Pả	Na Sang	Điện Biên	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		011306004285
575	10	2462202090034	Lý Thị Ánh Tuyết	Nữ	11/4/2006	Giáy	Làng Giàng	Bảo Thắng	Lào Cai	xã khu vực I	TN PTDTNT	80	x		010306007395
576	11	2462202090037	Lý Thu Yền	Nữ	25/3/2006	Dao	San Lùng	Bản Xèo	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010306001166
	Lớp Cao đẳng Tiếng Trung Quốc K24B: 6 Sinh viên														
577	1	2462202090041	Đặng Thị Duyên	Nữ	27/01/2006	Dao	Thôn 7 Mai Đào	Thượng Hà	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010306001654
578	2	2462202090047	Tòng Thị Huyền	Nữ	12/10/2006	Thái	Mai Hồng 3	Bảo Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	TN PTDTNT	80	x		010306001634
579	3	2462202090051	Lương Đình Lộc	Nam	19/8/2004	Tày	Chiềng 3	Võ lao	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010204006150
580	4	2462202090061	Lò Thị Như	Nữ	30/11/2005	Thái	Co Phầy	Than Uyên	Lai Châu	xã khu vực I	TN PTDTNT	80	x		012305004374
581	5	2462202090067	Má Thị Su	Nữ	08/9/2002	Hmông	Cát Cát	Tả Van	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		010302000434
582	6	2462202090074	Lò Thị Thịnh	Nữ	12/01/2003	Thái	Tân Lập	Nậm Cuối	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		012303000913
	Lớp Cao đẳng Tiếng Trung Quốc K24C: 12 Sinh viên														
583	1	2462202090079	Phún Linh Chi	Nữ	26/5/2006	Giáy	Chính Quân	Lục Yên	Lào Cai	xã khu vực I	TN PTDTNT	80	x		015306006498
584	2	2462202090081	Lù A Dìn	Nam	30/9/2006	Mông	Cốc Phà	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010206009381
585	3	2462202090085	Vi Hoàng Dũng	Nam	28/02/2004	Tày	Hèo-Trang	Hợp Thành	Lào Cai	xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	x		010204008048
586	4	2462202090087	Hoàng Xa Định	Nữ	02/9/2006	Dao	Mồ Xi Cầu	Khổng Lào	Lai Châu	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		012306005931
587	5	2462202090090	Hoàng Văn Giang	Nam	10/7/2006	Tày	Ngầu 3	Võ Lao	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010206004777
588	6	2462202090093	Lý Thị Hằng	Nữ	12/9/2005	Dao	Thèn Thầu	Khổng Lào	Lai Châu	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		012305006727
589	7	2462202090094	Lù Thị Hạnh	Nữ	10/8/2003	Thái	Nà Hoi	Tân Uyên	Lai Châu	xã khu vực II	TN PTDTNT	80	x		012303000785
590	8	2462202090096	Giàng Thị Thu Hiền	Nữ	17/10/2006	Mông	Cốc Phà	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010306000739
591	9	2462202090097	Vương Thị Hiệp	Nữ	21/5/2005	Giáy	Na Nổi	Bản Lầu	Lào Cai	Thôn ĐBK	Hộ cận nghèo	100	x		010305001112
592	10	2462202090101	Lý Xa Hồng	Nữ	24/01/2006	Dao	Thèn Thầu	Khổng Lào	Lai Châu	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		012306003316
593	11	2462202090103	Sùng Mạnh Hùng	Nam	15/02/2006	Mông	Phổ Cũ	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010206004372
594	12	2462202090109	Lý Xa Môi	Nữ	09/3/2006	Dao	Thèn Thầu	Khổng Lào	Lai Châu	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		012306007468
	Lớp Cao đẳng Tiếng Trung Quốc K24D: 14 Sinh viên														
595	1	2462202090117	Giàng A Chung	Nam	29/11/2006	Mông	Sàng Lùng Chín	Tả Cù Tỷ	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010206002950
596	2	2462202090118	Vừ A Chung	Nam	03/5/2005	Mông	Dền Thàng 1	Dền Sáng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010205008162
597	3	2462202090119	Ly Thị Cống	Nữ	04/3/2005	Mông	Sẻ Chải	Tả Cù Tỷ	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010305000678
598	4	2462202090121	Lò Thị Dĩnh	Nữ	03/6/2005	Hmông	Quán Dín Ngải	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	TN PTDTNT	80	x		010305000673
599	5	2462202090125	Vàng Thị Duyên	Nữ	22/01/2005	HMông	Bản Phố 2	Bắc Hà	Lào Cai	xã khu vực II	TN PTDTNT	80	x		010305000677
600	6	2462202090130	Vàng Thị Gống	Nữ	22/4/2006	HMông	San 2	Tả Van	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		010306006424
601	7	2462202090132	Giàng Chính Hoa	Nữ	07/02/2006	Phù Lá	Ngải Phóng Chở	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	Hộ nghèo	100	x		010306005197

TT	STT lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Hỗ trợ đi lại lần/năm	Hỗ trợ mua đồ dùng cá nhân	Ghi chú
							Thôn	Xã	Tỉnh/ TP						
602	8	2462202090137	Phàn Thị Lan	Nữ	28/02/2006	Dao	Xín Chải	Tả Lèng	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		012306001430
603	9	2462202090138	Đèo Bảo Lan	Nữ	02/11/2005	Thái	Nà Củng	Phong Thổ	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		012305000471
604	10	2462202090142	Tráng Thị Lùng	Nữ	08/5/2003	Nùng	Nậm Hu	Bảo Nhai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010303001532
605	11	2462202090145	Gì A Mạnh	Nam	28/10/2005	Mông	Bản Hợp 2	Dào San	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		012205004191
606	12	2462202090151	Lù Thị Súng	Nữ	18/02/2006	Mông	Cán Hồ	Xuân Quang	Lào Cai	xã khu vực I	TN PTDTNT	80	x		010306005135
607	13	2462202090153	Sùng Thị Xuân	Nữ	15/10/2005	Phù Lá	Ngô Thượng	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ cận nghèo	100	x		010305000676
608	14	2462202090154	Tẩn Thị Yển	Nữ	03/8/2006	Dao	Bản Lọt	Phong Hải	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010306008281
Lớp Cao đẳng Tiếng Trung Quốc K24E: 17 Sinh viên															
609	1	2462202090162	Nguyễn Thị Linh Chi	Nữ	21/10/2004	Tày	Giàng	Văn Bàn	Lào Cai	Thôn ĐBKK	TN PTDTNT	80	x		010304005081
610	2	2462202090163	Hầu Thị Chi	Nữ	03/5/2006	Mông	Sín Chải	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010306001405
611	3	2462202090166	Cư Seo Dế	Nam	13/6/2005	HMông	Phố Thầu	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010205005130
612	4	2462202090170	Giàng Thị Dừa	Nữ	30/4/2006	Mông	Bản Kha	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010306001404
613	5	2462202090173	Vàng Thị Giáp	Nữ	04/02/2005	Tày	Nậm Lúc Hạ	Cốc Lầu	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		010305007536
614	6	2462202090174	Nông Thị Huyền	Nữ	09/6/2005	Giáy	Nà Dầu	Tát Ngà	Tuyên Quang	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		002305004022
615	7	2462202090175	Lý Thị Lành	Nữ	26/9/2006	Giáy	Nậm Xe	Sin Suối Hồ	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		012306001909
616	8	2462202090176	Giàng Thị Linh	Nữ	21/4/2005	Mông	Nà Chí Phàng	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		010305008595
617	9	2462202090184	Lò Thị Quỳnh Như	Nữ	16/9/2006	Giáy	Bản Giang	Tân Phong	Lai Châu	xã khu vực I	TN PTDTNT	80	x		012306001356
618	10	2462202090186	Bùi Thị Quỳnh Như	Nữ	10/10/2006	Kinh	Đậm Rụng	Phúc Khánh	Lai Châu	xã khu vực III	Khuyết tật	80	x		010306006935
619	11	2462202090187	Lý Thị Nhung	Nữ	20/02/2004	Dao	Thên Thầu	Khổng Lào	Lai Châu	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		012304001650
620	12	2462202090189	Lèng Thị Oanh	Nữ	07/8/2006	Nùng	Đội 2	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010306001272
621	13	2462202090192	Vàng Thị The	Nữ	13/02/2006	Hmông	Suối Thầu 3	A Mú Sung	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		010306001617
622	14	2462202090193	Vàng Thị Trà	Nữ	02/02/2005	Hmông	Sừ Pà Phìn	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010305000948
623	15	2462202090194	Hoàng Thị Trà Vinh	Nữ	29/6/2006	Tày	Thôn Phát	Châu Quế	Lào Cai	xã khu vực II	Hộ nghèo	100	x		015306008534
624	16	2462202090195	Ma Công Vinh	Nam	08/5/2006	Mông	Bản Kha	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x	x	010206001758
625	17	2462202090196	Thào Seo Vư	Nam	02/12/2006	Hmông	Phéc Bùng	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ cận nghèo	100	x		010206008896
Lớp Cao đẳng Tiếng Trung Quốc K24G: 11 Sinh viên															
626	1	2462202090201	Chó A Dương	Nam	23/9/2005	Mông	Bản 36	Na Sang	Điện Biên	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		011205002535
627	2	2462202090205	Lục Thị Thu Hương	Nữ	01/3/2006	Tày	Tân Tiến	Bảo Ái	Lào Cai	xã khu vực I	Hộ cận Nghèo	100	x		015306001304
628	3	2462202090213	Lù Văn Răng	Nam	25/01/2003	Hmông	Phìn Giàng	Xuân Quang	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Khuyết tật	100	x		010203010442
629	4	2462202090214	Tạ Thị Hương Sâm	Nữ	04/7/2006	Dao	Đồng Do	Thác Bà	Lào Cai	xã khu vực I	TN PTDTNT	80	x		015306007342
630	5	2462202090215	Chu Thị Sang	Nữ	08/12/2005	Mông	Ma Sao Phìn Thấp	Khun Há	Lai Châu	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		012305000367

TT	STT lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Hỗ trợ đi lại 1lần/năm	Hỗ trợ mua đồ dùng cá nhân	Ghi chú
							Thôn	Xã	Tỉnh/ TP						
631	6	2462202090216	Lý Thị Say	Nữ	25/6/2006	Mông	Cô Tông Bán Vàng	Cốc Lầu	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận Nghèo	100	x		010306001246
632	7	2462202090220	Cư Seo Sừ	Nam	14/01/2006	Hmông	Sín Chải 2	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	x		010206009741
633	8	2462202090221	Lý Thị Tâm	Nữ	12/10/2006	Dao	Thền Thầu	Khổng Lào	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	x		012306004614
634	9	2462202090227	Vàng Xuân Thắng	Nam	24/5/2005	Hmông	Phéc Bùng	Bắc Hà	Lào Cai	xã khu vực II	Hộ cận Nghèo	100	x		010205001426
635	10	2462202090229	Sùng A Thành	Nam	29/4/2005	Mông	Hợp 1	Dào San	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	x	x	012205004360
636	11	2462202090231	Ly Thị Thảo	Nữ	05/02/2001	Nùng	Pạc Ngam	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận Nghèo	100	x		010301006741
	Lớp Cao đẳng Tiếng Trung Quốc K25.CLC: 19 Sinh viên														
637	1	2562202090003	Ly A Bảy	Nam	12/02/2006	Mông	La Chí Chải	Pà Vây Sủ	Tuyên Quang	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x	x	002206008139
638	2	2562202090002	Lù Seo Banh	Nam	20/10/2007	Mông	La Chí Chải	Pà Vây Sủ	Tuyên Quang	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		002207003642
639	3	2562202090004	Lù Thị Bình	Nữ	26/7/2006	Thái	Nà Khương	Bản Bo	Lai Châu	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		012306001731
640	4	2562202090005	Hoàng Thị Cháo	Nữ	09/7/2007	HMông	Tả Cán Hồ	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010307006693
641	5	2562202090011	Pờ Xuy Gụ	Nữ	20/5/2007	Hà Nhì	Khu Chu Lìn	Y Tỷ	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010307006820
642	6	2562202090012	Ly Thị Hà	Nữ	26/11/2006	Mông	Sừ Pà Phìn	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010306001361
643	7	2562202090015	Lò Thị Hoạt	Nữ	28/9/2007	Thái	Là 2	Mường Kim	Lai Châu	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		012307002341
644	8	2562202090017	Đoàn Thị Huấn	Nữ	28/4/2006	Dao	Trà Châu	Bảo Thắng	Lào Cai	xã khu vực I	TN PTDTNT	80	x		010306006167
645	9	2562202090018	Hoàng Thị Hương	Nữ	17/8/2005	Tày	Noong Khuẩn	Khánh Yên	Lào Cai	Thôn ĐBKk	Hộ cận nghèo	100	x		010305004910
646	10	2562202090019	Sùng A Khu	Nam	08/8/2007	Mông	Trạm Púng	Quảng Lâm	Điện Biên	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		011207002616
647	11	2562202090020	Hàng Seo Lênh	Nam	09/3/2007	HMông	Chò Chải	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKk	Hộ cận nghèo	100	x		010207000431
648	12	2562202090023	Ly Thị Luân	Nữ	26/3/2007	Mông	Nhân Giồng	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010307006098
649	13	2562202090024	Cheo Xuân Mây	Nữ	18/3/2005	Dao	Bành Phán	Sìn Hồ	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		012305000041
650	14	2562202090029	Vàng Lâm Nhi	Nữ	27/10/2007	Thái	Chăm Cáy	Than Uyên	Lai Châu	xã khu vực I	TN PTDTNT	80	x		012307006215
651	15	2562202090030	Cao Gơ Pơ	Nữ	14/7/2007	Hà Nhì	Kin Chu Phìn 1	Mường Hum	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		010307008199
652	16	2562202090032	Vù Thị Sinh	Nữ	03/02/2006	HMông	Làng Cung 3	Xuân Quang	Lào Cai	xã khu vực I	TN PTDTNT	80	x		010306008243
653	17	2562202090033	Lò Thị Thẩm	Nữ	16/02/2007	Thái	Hợp Nhất	Bản Bo	Lai Châu	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		012307000368
654	18	2562202090034	Lềng Thị Thủy	Nữ	28/9/2007	Nùng	Thôn Sín Chải	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010307006936
655	19	2562202090035	Chăn Seo Tỏa	Nam	07/11/2006	Mông	La Chí Chải	Pà Vây Sủ	Tuyên Quang	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		002206003027
	Lớp Cao đẳng Tiếng Trung Quốc K25A: 14 Sinh viên														
656	1	2562202090040	Lù Khai Chung	Nam	20/4/2007	Mông	Hoàng Phi Chải	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010207008509
657	2	2562202090041	Sần Chẩn Cồ	Nam	14/12/2007	Xạ Phạng	Thền Pá	Na Sang	Điện Biên	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		011207009825
658	3	2562202090044	Giàng Thu Hà	Nữ	17/5/2007	H'Mông	Háng Dê	Bắc Hà	Lào Cai	xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	x		010307009470
659	4	2562202090047	Trương Thi Hiền	Nữ	25/01/2006	Dao	Nậm Nhù	Cốc Lầu	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		010306008553

TT	STT lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Hỗ trợ đi lại 1lần/năm	Hỗ trợ mua đồ dùng cá nhân	Ghi chú
							Thôn	Xã	Tỉnh/ TP						
660	5	2562202090050	Phạm Thị Lệ	Nữ	26/5/2007	Kinh	Bản Giàng	Cốc Lầu	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	60	x		010307003052
661	6	2562202090056	Hoàng Thị Sú	Nữ	15/4/2007	H'Mông	Nàng Càng	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010307006599
662	7	2562202090058	Tráng A Thành	Nam	01/9/2006	H'Mông	Lùng Xa 2	Bảo Nhai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010206002977
663	8	2562202090059	Giàng Thị Thu Thảo	Nữ	14/8/2007	Mông	Sín Chải 1	Dào San	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		012307000653
664	9	2562202090061	Lò Thị Thúy	Nữ	14/7/2006	Thái	Đoàn Kết	Phong Thổ	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x	x	012306005596
665	10	2562202090062	Đặng Thị Thúy	Nữ	29/3/2006	Dao	Làng Chung	Lào Cai	Lào Cai	xã khu vực I	TN PTDTNT	80	x		010306007157
666	11	2562202090065	Thàng Mỹ Uyên	Nữ	16/11/2007	Nùng	Cổ Hải	Bảo Thắng	Lào Cai	xã khu vực I	Hộ cận nghèo	100	x		010307006762
667	12	2562202090066	Hoàng Thị Vần	Nữ	06/01/2004	Thái	Bút Dưới	Tân Uyên	Lai Châu	xã khu vực II	TN PTDTNT	80	x		012304000169
668	13	2562202090068	Giàng A Xà	Nam	08/9/2007	H'Mông	Thèn Pá	Tả Lèng	Lai Châu	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		012207005566
669	14	2562202090070	Cư Thị Xuân	Nữ	02/12/2007	H'Mông	Phố Thầu	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010307002459
	Lớp Cao đẳng Tiếng Trung Quốc K25B: 21 Sinh viên														
670	1	2562202090074	Sần Thiên Chấn	Nam	01/3/2007	Hoa	Thèn Pá	Na Sang	Điện Biên	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		011207004136
671	2	2562202090075	Sùng Seo Chung	Nam	03/10/2007	Mông	Lao Chải	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		010207007627
672	3	2562202090077	Vàng Thị De	Nữ	12/5/2007	Mông	Na Đoong	Trịnh Tường	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010307006009
673	4	2562202090078	Giàng Thị Dê	Nữ	01/01/2007	Mông	Lá Di Thàng	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		0103007004992
674	5	2562202090079	Hoàng Ngọc Diễm	Nữ	15/9/2007	Tày	Thác Cạn	Bình Lư	Lai Châu	xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	x		012307006663
675	6	2562202090080	Lò Thị Dín	Nữ	07/3/2007	H'Mông	Chu Lìn Phố	Cao Sơn	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010307004405
676	7	2562202090081	Đieu Thị Mỹ Duyên	Nữ	20/11/2004	Thái	Chiềng Nưa	Lê Lợi	Lai Châu	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		012304003688
677	8	2562202090083	Giàng Thị Hà	Nữ	06/8/2007	H'Mông	Phú Long 1	Bảo Thắng	Lào Cai	xã khu vực I	Hộ cận nghèo	100	x		010307004019
678	9	2562202090084	Lý Văn Hải	Nam	26/10/2006	Dao	Lý 1-2	Bảo Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ cận nghèo	100	x		010206005052
679	10	2562202090086	Chèo Nải Heng	Nam	27/02/2006	Dao	Sùng Phài	Đoàn Kết	Lai Châu	Thôn ĐBKK	Hộ nghèo	100	x		012206007954
680	11	2562202090087	Giàng A Hồng	Nam	03/02/2006	Mông	Bản Hợp 2	Dào San	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		012206004472
681	12	2562202090088	Lý Thị Hồng	Nữ	28/02/2005	Dao	Bản Qua	Xuân Hòa	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		010305004413
682	13	2562202090089	Dì A Hùng	Nam	01/12/2005	Mông	Bản Hợp 2	Dào San	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		012205002943
683	14	2562202090090	Lò Quỳnh Hương	Nữ	01/02/2004	Thái	Vàng Bấu	Phong Thổ	Lai Châu	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		012304004740
684	15	2562202090095	Lò Đức Mạnh	Nam	13/3/2003	Thái	Khăn Nọi	Nậm Sỏ	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x	x	012203000386
685	16	2562202090096	Vàng Lờ Mây	Nữ	10/01/2007	Dao	Khoa San Chải	Y Tý	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010307002647
686	17	2562202090102	Vàng Thị Phan	Nữ	26/8/2007	Mông	Căng Ký	Dào San	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		012307007518
687	18	2562202090104	Lý Văn Phúc	Nam	14/5/2004	Dao	Nậm Kha 1	Cốc Lầu	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		010204000938
688	19	2562202090109	Đặng Thùy Trang	Nữ	23/4/2005	Dao	Khe Giềng	Đông Cuông	Lào Cai	xã khu vực II	TN PTDTNT	80	x		015305006442
689	20	2562202090110	Lò Thị Việt Trinh	Nữ	25/8/2004	Thái	Phai Cát	Khổng Lào	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x	x	012304003674

TT	STT lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Hỗ trợ đi lại lần/năm	Hỗ trợ mua đồ dùng cá nhân	Ghi chú
							Thôn	Xã	Tỉnh/ TP						
690	21	2562202090111	Đặng Thị Vân	Nữ	25/01/2007	Dao	4 Vài Siêu	Thượng Hà	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		010307003020
	Lớp Cao đẳng Tiếng Trung Quốc K25C: 11 Sinh viên														
691	1	2562202090114	Ma Seo Chùa	Nam	27/7/2004	HMông	Pà Chư Tỷ	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010204000947
692	2	2562202090115	Hàng Diu Chung	Nam	02/10/2007	Hmông	Ma Ngán B	Cao Sơn	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010207008385
693	3	2562202090117	Vàng Thị Dúng	Nữ	15/9/2007	Mông	Mản Thân	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010307003923
694	4	2562202090120	Lý Gì Gơ	Nữ	02/8/2005	Hà Nhì	Lao Chải	Trịnh Tường	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		010305009245
695	5	2562202090130	Thào Thị Kiều	Nữ	10/11/2004	Thái	Phai Cát	Khổng Lào	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		012304006739
696	6	2562202090134	Lý Lờ Mấy	Nữ	05/6/2007	Dao	Cán Tỷ	Bản Xèo	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010307009474
697	7	2562202090135	Phùng Tả Mấy	Nữ	14/3/2007	Dao	Ky Quan San	Mường Hum	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010307000283
698	8	2562202090136	Lý Thị Mùi	Nữ	10/4/2007	Dao	Quyết Tiến	Pắc Ta	Lai Châu	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		012307000008
699	9	2562202090145	Vàng Thị Sinh	Nữ	23/02/2007	Mông	Mản Thân	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010307000315
700	10	2562202090148	Giàng Thị Thư	Nữ	03/11/2007	Mông	Sừ Ma Tùng	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010307006177
701	11	2562202090150	Lộc Thị Kim Yên	Nữ	23/01/2006	Tày	3 Là	Bảo Yên	Lào Cai	Thôn ĐBK	TN PTDTNT	80	x		010306006386
	Lớp Cao đẳng Tiếng Trung Quốc K25D: 9 Sinh viên														
702	1	2562202090155	Chấu Thị Duyên	Nữ	08/11/2007	HMông	Hoàng Hạ	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	Hộ cận nghèo	100	x		010307004255
703	2	2562202090157	Nguyễn Thu Hương	Nữ	17/10/2006	Tày	Muồng	Gia Phú	Lào Cai	xã khu vực II	TN PTDTNT	80	x		010306015593
704	3	2562202090160	Ma Seo Lim	Nam	16/7/2006	H'Mông	Seo Cán Hồ	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010206005636
705	4	2562202090161	Giàng Thị Mò	Nữ	20/6/2005	Mông	Phìn Hồ	Y Tý	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		010305007633
706	5	2562202090164	Vàng Thị Nừ	Nữ	16/5/2007	Mông	Lùng Xa 2	Bảo Nhai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010307005597
707	6	2562202090166	Chảo Thị Phẩy	Nữ	14/7/2007	Dao	Liên Hợp	Pắc Ta	Lai Châu	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		012307004631
708	7	2562202090172	Giàng Mạnh Quyền	Nam	25/02/2007	HMông	Cốc Phà	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010207005168
709	8	2562202090180	Chảo Mai Trang	Nữ	13/7/2007	Dao	San Lùng	Bát Xát	Lào Cai	Thôn ĐBK	Hộ nghèo	100	x		010307003665
710	9	2562202090182	Triệu Thị Viên	Nữ	21/3/2007	Dao	Nậm Đét	Bảo Nhai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010307004275
	Lớp Cao đẳng Kế toán K24: 4 Sinh viên														
711	1	2463403010002	Tần Thị Ngọc Anh	Nữ	15/01/2004	Dao	Bản Pho	Bát Xát	Lào Cai	xã khu vực II	TN PTDTNT	80	x		101304004107
712	2	2463403010005	Đặng Hồng Hà	Nữ	21/12/2006	Dao	Thác Tiên	Mỏ Vàng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	x		015306003952
713	3	2463403010014	Dương Thị Linh	Nữ	30/5/2005	Tày	Bản Khao	Thượng Hà	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		010305007020
714	4	2463403010022	Lý Thị Nguyệt	Nữ	25/6/2006	Xa Phó	Đồng Vệ	Chiềng Ken	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận Nghèo	100	x		010306007793
	Lớp Cao đẳng Kế toán K25.TTQ: 3 Sinh viên														
715	1	2563403010031	Trần Thị Mai Châm	Nữ	09/3/2007	Kinh	Tân Long	Trịnh Tường	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		015307007596
716	2	2563403010060	Lù Bốn Nghĩa	Nam	18/10/2007	Nùng	Nậm Lán Cốc Còi	Bắc Hà	Lào Cai	xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	x		010207003555

TT	STT lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Hỗ trợ đi lại lần/năm	Hỗ trợ mua đồ dùng cá nhân	Ghi chú
							Thôn	Xã	Tỉnh/ TP						
717	3	2563403010041	Ma Thị Liên	Nữ	02/01/2007	HMông	Khu Chu Tùng	Bản Liền	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010307002849
	Lớp Cao đẳng Kế toán K25A: 4 Sinh viên														
718	1	2563403010009	Lý Mai Phượng	Nữ	16/6/2006	Dao	Tùng Chín 2	Trịnh Tường	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010306003156
719	2	2563403010011	Vàng Thị Thảo	Nữ	10/8/2003	Thái	Huổi Phắc	Khổng Lào	Lai Châu	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		012303004331
720	3	2563403010014	Lường Thu Trang	Nữ	13/9/2006	Tày	Trung Nam	Hung Khánh	Lào Cai	xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	x		015306004456
721	4	2563403010018	Lương Thị Tươi	Nữ	23/4/2001	Tày	Tả Hà 1	Bảo Thắng	Lào Cai	xã khu vực I	TN PTDTNT	80	x		010301004700
	Lớp Cao đẳng Kỹ thuật xây dựng K25: 3 Sinh viên														
722	1	2565802010001	Lương Thị Đóa	Nữ	25/8/2007	Tày	Nhuần 2	Tằng Loỏng	Lào Cai	xã khu vực I	TN PTDTNT	80	x		010307000707
723	2	2565802010006	Tráng Thín Lồng	Nam	06/12/2007	HMông	Sả Chải	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010207003646
724	3	2565802010007	Nguyễn Văn Quân	Nam	21/02/2004	Kinh	Thôn 6	Bát Xát	Lào Cai	xã khu vực II	Hộ cận nghèo	60	x		012204008857
	Lớp Cao đẳng Thú y K24: 3 Sinh viên														
725	1	2466401010008	Vù Thị Hương	Nữ	15/5/2006	Mông	Nà Lặc	Trịnh Tường	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	x		010306003631
726	2	2466401010012	Di Thị Nhâm	Nữ	08/12/2000	Giáy	Mức	Bảo Thắng	Lào Cai	xã khu vực I	TN PTDTNT	80	x		010300005857
727	3	2466401010016	Vàng Văn Thế	Nam	21/3/2004	Giáy	Thịnh Ôi	Bản Lầu	Lào Cai	xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	x		010204001331
	Lớp Cao đẳng Thú y K25: 1 Sinh viên														
728	1	2566401010008	Phàn Tả Mẩy	Nữ	28/02/2007	Dao	Tùng Chín 3	Trịnh Tường	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010307006382
	Lớp Trung cấp Chăn nuôi thú y K24.8: 14 Học sinh														
729	1	2456201190002	Giàng Thị Bàu	Nữ	06/6/2009	Mông	Cốc Phà	Sì Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010309006568
730	2	2456201190007	Giàng Thị Dế	Nam	20/4/2009	Mông	Mản Thẩn	Sì Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010309004539
731	3	2456201190015	Cư Seo Hùng	Nam	15/11/2009	Mông	Sáng Chải	Sì Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010209005926
732	4	2456201190016	Lùng Văn Huy	Nam	09/11/2009	Nùng	Nàn Vái	Sì Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010209002739
733	5	2456201190018	Giàng Thị Ly	Nữ	12/11/2009	Mông	Thào Chư Phìn	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010309000361
734	6	2456201190019	Giàng Thị Ly	Nữ	04/9/2009	Mông	Hoàng Thu Phố	Sì Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010309007771
735	7	2456201190021	Vừ Thị Mùa	Nữ	20/11/2009	HMông	Lao Chải 1	Sì Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010309001642
736	8	2456201190022	Giàng A Ngọc	Nam	22/12/2009	Hmông	Cán Cầu	Sì Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209003782
737	9	2456201190026	Thào A Phúc	Nam	21/9/2009	Mông	Cán Cầu	Sì Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010209005608
738	10	2456201190029	Ly Thị Ngọc Phương	Nữ	29/9/2009	Mông	Cán Chư Sừ	Sì Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010309004612
739	11	2456201190032	Giàng Thiên Sơn	Nam	13/3/2009	Hmông	Gia Khâu	Sì Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010209005199
740	12	2456201190033	Vàng Thị Súa	Nữ	11/4/2009	Mông	Cốc Phà	Sì Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010309004577
741	13	2456201190040	Giàng Thị Xua	Nữ	19/9/2009	Mông	Cốc Phà	Sì Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010309004587
742	14	2456201190042	Giàng A Xuyên	Nam	10/11/2009	Mông	Cốc Phà	Sì Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010209004620

TT	STT lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Hỗ trợ đi lại 1lần/năm	Hỗ trợ mua đồ dùng cá nhân	Ghi chú
							Thôn	Xã	Tỉnh/ TP						
	Lớp Trung cấp Điện-Nước K24.6: 17 Học sinh														
743	1	2455802120001	Ma Hồng Chiến	Nam	27/02/2009	Mông	Tả Thên A	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010209007087
744	2	2455802120002	Sùng Chí Cường	Nam	12/10/2009	HMông	Lùng Chéng Lùng	Cao Sơn	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209004296
745	3	2455802120003	Vàng Xuân Cường	Nam	22/10/2009	Mông	Máo Chóa Sủ	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209001132
746	4	2455802120004	Thào Dín	Nam	26/3/2009	Mông	Tin Thàng	Cao Sơn	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010309004947
747	5	2455802120006	Thào Thị Giang	Nữ	14/01/2009	Pa Dí	Sa Pả	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010209007119
748	6	2455802120007	Tráng Seo Hằng	Nam	05/3/2009	Mông	Sả Chải	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209006649
749	7	2455802120008	Giàng Thị Hiền	Nữ	16/11/2009	Nùng	Pạc Ngam	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		
750	8	2455802120009	Chấu Trung Hiếu	Nam	09/11/2009	Mông	Sín Chải A	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209003760
751	9	2455802120011	Giàng Mạnh Hồng	Nam	22/11/2009	Mông	Gia Khâu B	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010209009665
752	10	2455802120013	Lùng Chung Lanh	Nam	20/9/2009	Nùng	Ngam Lâm	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209002426
753	11	2455802120018	Pờ Tà Nguyệt	Nữ	09/9/2009	Pa Dí	Chúng Chải B	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		
754	12	2455802120019	Chấu A Phìn	Nam	02/02/2009	Mông	Sao Cô Sín	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209004476
755	13	2455802120020	Giàng A Sài	Nam	24/11/2009	Mông	Sín Chải Năm Cháy	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209002103
756	14	2455802120022	Thào Văn Sơn	Nam	05/12/2009	Mông	Sín Chải A	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209006972
757	15	2455802120023	Giàng Văn Thắng	Nam	29/12/2009	Mông	Gia Khâu B	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209005297
758	16	2455802120024	Giàng Thanh	Nam	01/01/2009	Mông	Sín Chải B	Cao Sơn	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209001719
759	17	2455802120028	Giàng Sào Tờ	Nam	11/5/2008	Mông	Sín Chải Năm Cháy	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010208004247
	Lớp Trung cấp Điện-Nước K24.8: 15 Học sinh														
760	1	2455802120034	Sùng Seo Cầu	Nam	13/8/2009	Hmông	Seo Khai Hóa	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010209006564
761	2	2455802120039	Hoàng A Cừ	Nam	22/10/2009	HMông	Nà Chí Phàng	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010209003347
762	3	2455802120040	Tráng A Dìn	Nam	03/7/2009	Mông	Sín Chải 1	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209001964
763	4	2455802120041	Lừu Hải Dương	Nam	10/9/2009	Mông	Chu Liễn Chải	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010209009233
764	5	2455802120044	Sùng Seo Giả	Nam	18/01/2009	HMông	Lùng Sán	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010209008084
765	6	2455802120045	Giàng Minh Hà	Nam	02/9/2009	Mông	Lao Chải 1	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010209008422
766	7	2455802120049	Lồ Lao Lùng	Nam	29/11/2009	Hmông	Ngải Phóng Chỏ	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209001816
767	8	2455802120054	Vàng A Pao	Nam	05/11/2009	Hmông	Sín Hồ Sán	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209006257
768	9	2455802120056	Thào Seo Phênh	Nam	25/01/2009	Mông	Seng Sui	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010209006747
769	10	2455802120059	Vũ Đức Quân	Nam	10/11/2009	Tày	Ngã Ba	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209008255
770	11	2455802120061	Sùng A Quý	Nam	14/11/2009	Mông	Lùng Sán	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209003786
771	12	2455802120062	Vùi Ngọc Quyết	Nam	02/4/2009	Nùng	Sín Chải 2	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010209008111

TT	STT lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Hỗ trợ đi lại 1lần/năm	Hỗ trợ mua đồ dùng cá nhân	Ghi chú
							Thôn	Xã	Tỉnh/ TP						
772	13	2455802120069	Lù Đức Trường	Nam	26/11/2009	Nùng	Na Pá	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010209002444
773	14	2455802120071	Giàng Seo Viện	Nam	14/6/2009	HMông	Hòa Bình	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209008544
774	15	2455802120074	Thào Quang Vinh	Nam	06/10/2009	Hmông	Gia Khâu	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010209006151
Lớp Trung cấp Điện-Nước K25.6: 19 Học sinh															
775	1	2555802120002	Lồ Khải Chổng	Nam	17/02/2010	Mông	Pao Pao Chải	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010210003573
776	2	2555802120003	Vàng Seo Chứ	Nam	04/7/2010	Mông	Sấn Pản	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010210001522
777	3	2555802120005	Sin Văn Đô	Nam	13/11/2010	Nùng	Tả Thên	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010210005761
778	4	2555802120006	Lồ Seo Đường	Nam	30/4/2010	Mông	Pao Pao Chải	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010210009406
779	5	2555802120007	Sùng Văn Hải	Nam	26/02/2010	Mông	Lồ Cồ Chín	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010210010158
780	6	2555802120008	Ly Văn Hải	Nam	03/6/2010	Mông	Phìn Chur	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010210004542
781	7	2555802120009	Ly Thìn Hồng	Nam	28/5/2010	Mông	Pha Long 2	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010210005519
782	8	2555802120010	Ly Văn Hồng	Nam	18/8/2010	H'mông	Sín Lũng Chải	Cao Sơn	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010310002113
783	9	2555802120013	Lùng Duyên Liêm	Nam	27/9/2010	Nùng	Cốc Chứ	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010210005312
784	10	2555802120014	Thào Seo Long	Nam	12/01/2010	Mông	Vả Thành	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010210010179
785	11	2555802120015	Tần Văn Minh	Nam	01/02/2010	Mông	Pha Long 2	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010210005042
786	12	2555802120018	Ly Seo Pao	Nam	10/8/2010	Mông	Lồ Suối Tùng	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010210000407
787	13	2555802120019	Lù Viễn Phong	Nam	14/4/2010	Nùng	Cốc Chứ	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010210008682
788	14	2555802120020	Thào Quang Phủ	Nam	20/9/2010	HMông	Sín Lũng Chải	Cao Sơn	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010210009575
789	15	2555802120021	Giàng Seo Sềng	Nam	17/11/2010	Mông	Lao Ma Chải	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010210003927
790	16	2555802120022	Tráng Mìn Sơn	Nam	22/5/2010	Mông	Sả Chải	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010210006887
791	17	2555802120023	Sùng Xuân Sơn	Nam	26/3/2010	Mông	Sín Lũng Chải	Cao Sơn	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010210009137
792	18	2555802120026	Giàng Chấn Thanh	Nam	03/01/2010	Mông	Sả Chải	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010210006193
793	19	2555802120027	Vàng Seo Thên	Nam	05/12/2010	Mông	Sấn Pản	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010210009831
Lớp Trung cấp Kế toán doanh nghiệp K24.1: 3 Học sinh															
794	1	2453403020061	Lý Thu Hồng	Nữ	22/3/2008	Dao	Tân Lập	Bảo Hà	Lào Cai	xã khu vực II	Hộ nghèo	100	x		010308008064
795	2	2453403020063	Đoàn Thị Hương	Nữ	30/11/2009	Dao	Làng Chung	Bảo Thắng	Lào Cai	xã khu vực I	Hộ cận nghèo	100	x		010309005709
796	3	2453403020066	Lý Minh Khái	Nam	01/01/2009	Tày	2 AB	Bảo Hà	Lào Cai	xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	x		010209005279
Lớp Trung cấp Kế toán doanh nghiệp K24.6B: 17 Học sinh															
797	1	2453403020091	Sùng Seo Dũng	Nam	25/12/2009	Mông	Sao Cô Sín	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209003302
798	2	2453403020092	Chấu Minh Huy	Nam	27/9/2009	Mông	Sín Chải B	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209004965
799	3	2453403020093	Vàng Dung Lâm	Nam	15/9/2009	Nùng	Mào Sao Chải	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010209008144

TT	STT lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Hỗ trợ đi lại 1lần/năm	Hỗ trợ mua đồ dùng cá nhân	Ghi chú
							Thôn	Xã	Tỉnh/ TP						
800	4	2453403020094	Tải Chữ Luân	Nam	17/9/2009	Nùng	Pha Long 2	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209009681
801	5	2453403020101	Sùng Văn Trung	Nam	17/10/2009	Mông	Tả Thên A	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209006067
802	6	2453403020102	Giàng Ngọc Trường	Nam	21/10/2009	Phù Lá	Lao Chải	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209009001
803	7	2453403020104	Pờ Mìn Bảo	Nam	13/9/2009	Pa Dí	Tả Chư Phùng	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010209009390
804	8	2453403020107	Thào Seo Cường	Nam	28/6/2009	Mông	Pao Pao Chải	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010209006966
805	9	2453403020108	Hảng Hồ Dín	Nữ	01/5/2009	Mông	Nàn Tiểu Hồ	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010309002426
806	10	2453403020109	Sùng Văn Hòa	Nam	07/3/2009	Mông	Lồ Suối Tùng	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010209001671
807	11	2453403020110	Lù Văn Mạnh	Nam	14/10/2009	Mông	Sín Chải A	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010209002683
808	12	2453403020111	Hoàng Chí Phong	Nam	28/11/2009	Mông	Tả Thên A	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209003520
809	13	2453403020112	Sùng A Quảng	Nam	22/11/2009	Mông	Sín Chải	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010209003995
810	14	2453403020114	Ly Seo Sàng	Nam	23/10/2008	Mông	Lồ Suối Tùng	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010208001596
811	15	2453403020116	Ma Trung Thắng	Nam	07/11/2009	Mông	Sín Chải	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010209006866
812	16	2453403020117	Lồ Thị Ngọc Thu	Nữ	24/11/2009	HMông	Chu Lin Phố	Cao Sơn	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010309007867
813	17	2453403020118	Vàng Quang Trung	Nam	17/5/2009	Mông	Mao Chóa Sủ	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209008792
	Lớp Trung cấp Kỹ thuật xây dựng K24.4: 20 Học sinh														
814	1	2455802010124	Vàng Seo Vàng	Nam	29/3/2009	Mông	Nậm Hán 2	Bảo Nhai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209005739
815	2	2455802010126	Ly Văn Chiến	Nam	05/8/2008	Dao	Chiu Cái	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	Hộ cận nghèo	100	x		010208007118
816	3	2455802010128	Giàng Thị Cờ	Nữ	01/9/2009	Hmông	Làng Mới	Bảo Nhai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	x		010309002710
817	4	2455802010129	Lý Văn Đại	Nam	23/9/2009	Hmông	Bản Phố 2	Bắc Hà	Lào Cai	xã khu vực II	Hộ Nghèo	100	x		010209004663
818	5	2455802010130	Ma Seo Đông	Nam	26/6/2009	Hmông	Nậm Cài	Bảo Nhai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209006333
819	6	2455802010132	Ly Hùng Hải	Nam	17/8/2009	Dao	Chiu Cái	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	Hộ Nghèo	100	x		010209004026
820	7	2455802010133	Vàng Thị Huyền	Nữ	28/01/2009	Tày	Đội 3	Bản Liền	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010309007163
821	8	2455802010134	Thào Quốc Khánh	Nam	25/8/2009	Mông	Sín Chải Lùng Chí	Tả Cù Tỷ	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209032721
822	9	2455802010138	Giàng A Nhè	Nam	28/01/2009	Mông	Khu Chu Tùng	Bản Liền	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209005778
823	10	2455802010140	Lồ Seo Nô	Nam	13/9/2009	Mông	Ngải Ma Lùng Trù	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	Hộ cận nghèo	100	x		010208005210
824	11	2455802010143	Giàng Seo Phong	Nam	05/12/2009	Mông	Sáng Lùng Chí	Tả Cù Tỷ	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	x		
825	12	2455802010144	Giàng Seo Phong	Nam	10/8/2009	Mông	Sín Chải Cờ Cài	Tả Cù Tỷ	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	x		010209007762
826	13	2455802010146	Giàng Seo Sà	Nam	01/01/2009	Mông	Hoàng Chu Ván	Tả Cù Tỷ	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209009938
827	14	2455802010147	Sùng Seo Sủ	Nam	15/5/2009	Mông	Làng Mới	Bảo Nhai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	x		010209000421
828	15	2455802010148	Tráng Thị Thảo	Nữ	08/02/2008	Mông	Tần Chư	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	x		010308001576
829	16	2455802010151	Sùng Văn Thực	Nam	19/9/2008	Nùng	Na Ân	Bảo Nhai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	x		010208002249

TT	STT lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Hỗ trợ đi lại 1lần/năm	Hỗ trợ mua đồ dùng cá nhân	Ghi chú
							Thôn	Xã	Tỉnh/ TP						
830	17	2455802010154	Cư Seo Văn	Nam	15/3/2009	Mông	Hoàng Chu Ván	Tả Cù Tỷ	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	x		010209001224
831	18	2455802010158	Vàng A Khánh	Nam	05/5/2009	Tày	Đội 2	Bản Liền	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209009226
832	19	2455802010162	Hoàng Văn Thức	Nam	08/01/2009	Cao Lan	Pắc Kẹ	Bản Liền	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	x		
833	20	2455802010164	Thào Thị Hồng Yến	Nữ	14/01/2009	Hmông	Lao Chải Phả Hải Túng	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	x	x	010309005470
	Lớp Trung cấp Kỹ thuật xây dựng K24.6A: 18 Học sinh														
834	1	2455802010041	Hoàng Kỳ Anh	Nữ	10/9/2009	Nùng	Cốc Cáng	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010309000451
835	2	2455802010045	Ma Cồ Diu	Nam	04/12/2009	Mông	Cán Hồ	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		
836	3	2455802010048	Tráng Quảng Dừng	Nam	05/8/2009	Mông	Sả Chải	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209008454
837	4	2455802010049	Giàng Quảng Dừng	Nam	26/01/2009	HMông	Máo Chóá Sù	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		
838	5	2455802010052	Nghê Thủy Duyên	Nữ	16/10/2009	Nùng	Văng Leng	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010309005553
839	6	2455802010055	Vàng Đức Hiệp	Nam	12/6/2009	Nùng	Phổ Cũ	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209007840
840	7	2455802010057	Phan Minh Học	Nam	07/8/2009	Dao	Tùng Lâu	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209003265
841	8	2455802010058	Giàng Sào Hương	Nam	03/02/2009	Mông	Máo Sao Chải	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209004923
842	9	2455802010061	Lù Thị Tuyết Khoa	Nữ	10/9/2009	Nùng	Nậm Rúp	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010309001826
843	10	2455802010062	Lù Thị Khôi	Nữ	19/02/2009	Nùng	Máo Sao Chải	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010309002807
844	11	2455802010064	Phu Văn Liêm	Nam	24/4/2009	Nùng	Tả Thên	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010209001729
845	12	2455802010066	Hoàng Quang Minh	Nam	21/5/2009	Mông	Đồi Gianh	Bản Lầu	Lào Cai	Thôn ĐBKk	Hộ cận nghèo	100	x		010209006153
846	13	2455802010068	Tráng Thị Mỹ	Nữ	30/01/2009	Mông	Sả Chải	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010309005187
847	14	2455802010069	Lùng Tiến Nhân	Nam	05/3/2009	Nùng	Nậm Oóc	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209009531
848	15	2455802010073	Ma Seo Phong	Nam	26/7/2009	Mông	Sín Chải	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209002169
849	16	2455802010074	Giàng Seo Phử	Nam	05/11/2006	Mông	Bản Phố	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010206007698
850	17	2455802010076	Thên Sứ Quyết	Nam	02/12/2009	Nùng	Lũng Pâu	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209008693
851	18	2455802010077	Ma Văn Quyết	Nam	26/9/2009	Nùng	Ngam Lâm	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010029008693
	Lớp Trung cấp Kỹ thuật xây dựng K24.6B: 11 Học sinh														
852	1	2455802010081	Ly Xuân Nhà	Nam	18/4/2009	Mông	Sừ Ma Túng	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209000198
853	2	2455802010085	Tráng Phùng Quyền	Nam	13/10/2009	Nùng	Cốc Mạc	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209007126
854	3	2455802010087	Sì Dương Quỳnh	Nam	02/5/2009	Phù Lá	Sao Cô Sín	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209006959
855	4	2455802010088	Tráng Seo Sài	Nam	08/01/2009	Mông	Hoàng Phi Chải	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209005520
856	5	2455802010091	Cư Chấn Sùng	Nam	13/12/2009	Mông	Nàn Tiểu Hồ	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010209001081
857	6	2455802010096	Sùng Duyên Thành	Nam	24/7/2009	Mông	Sao Cô Sín	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010209008810
858	7	2455802010099	Thào Thủy	Nam	23/02/2009	Mông	Na Lốc 3	Bản Lầu	Lào Cai	Thôn ĐBKk	Hộ cận nghèo	100	x		010209001391

TT	STT lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Hỗ trợ đi lại lần/năm	Hỗ trợ mua đồ dùng cá nhân	Ghi chú
							Thôn	Xã	Tỉnh/ TP						
859	8	2455802010100	Ly Văn Tiến	Nam	12/9/2009	HMông	Choán Ván	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010209009106
860	9	2455802010103	Phàn Thị Huyền Trang	Nữ	23/3/2009	Dao	Sáng Lũng Phìn	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010309001320
861	10	2455802010104	Sùng A Tuấn	Nam	28/10/2008	Mông	Sừ Ma Tùng	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010208009245
862	11	2455802010105	Ly Thị Tươi	Nữ	28/6/2009	Nùng	Pạc Ngam	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010309006607
	Lớp Trung cấp Kỹ thuật xây dựng K24.8: 14 Học sinh														
863	1	2455802010005	Giàng Seo Dê	Nam	23/6/2009	Hmông	Nàng Càng	Lũng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010209005655
864	2	2455802010007	Lù Khái Dìn	Nam	14/3/2009	HMông	Sín Chải 1	Sì Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209004300
865	3	2455802010008	Ly A Đức	Nam	11/02/2009	HMông	Sừ Pà Phìn	Sì Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209009646
866	4	2455802010009	Cư Hà Giang	Nam	28/4/2009	Hmông	Sín Chải 2	Sì Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010209002451
867	5	2455802010012	Lùng Cồ Hường	Nam	17/9/2009	Nùng	Đội 1	Sì Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209001596
868	6	2455802010016	Giàng Minh Ngọc	Nam	08/5/2008	HMông	Seo Cán Hồ	Sì Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010208009168
869	7	2455802010018	Vàng Seo Nhà	Nam	01/01/2009	Mông	Hoà Bình	Sì Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209007596
870	8	2455802010020	Ly Vàng Páo	Nam	03/7/2009	HMông	Sín Chải 1	Sì Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209009744
871	9	2455802010026	Thào Văn Phú	Nam	26/3/2009	Hmông	Lử Thần	Lũng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010209003841
872	10	2455802010028	Giàng Seo Quảng	Nam	24/4/2009	HMông	Nàng Càng	Lũng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209003595
873	11	2455802010031	Ly Công Sênh	Nam	25/3/2009	HMông	Chính Chư Phìn	Lũng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209004870
874	12	2455802010034	Thào Seo Sơn	Nam	11/11/2009	Hmông	Chính Chư Phìn	Lũng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209008343
875	13	2455802010035	Lềng Văn Tăng	Nam	24/7/2009	Nùng	Nàn Vái	Sì Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209007912
876	14	2455802010040	Giàng Seo Tuấn	Nam	01/6/2009	Mông	Lao Chải 1	Sì Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x	x	010209007098
	Lớp Trung cấp Kỹ thuật xây dựng K25.4: 24 Học sinh														
877	1	2555802010001	Vàng Seo An	Nam	28/01/2010	Mông	Nậm Hân 2	Bảo Nhai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010210008394
878	2	2555802010003	Lồ Seo Chá	Nam	10/12/2008	HMông	Ngài Ma Lũng Trù	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	Hộ cận nghèo	100	x		010208002266
879	3	2555802010005	Thào A Chính	Nam	04/4/2010	Mông	Ma Sín Chải	Cốc Lầu	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010210007692
880	4	2555802010009	Thào Seo Dìn	Nam	20/5/2010	HMông	Nậm Thố	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	Hộ nghèo	100	x		010210005168
881	5	2555802010010	Vàng Seo Dơ	Nam	30/10/2010	Mông	Dì Thành	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	Hộ cận nghèo	100	x		010210006320
882	6	2555802010011	Bản Xuân Đồng	Nam	25/11/2010	Dao	Cốc Đào	Bảo Nhai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010210006525
883	7	2555802010012	Vàng Seo Dung	Nam	18/02/2010	HMông	Sân Bay	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	Hộ cận nghèo	100	x	x	010210007149
884	8	2555802010013	Lý Văn Hà	Nam	06/5/2010	Dao	Nậm Tồn	Bản Liễn	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010210003360
885	9	2555802010014	Vàng Seo Hà	Nam	21/02/2010	HMông	Tả Thồ 1	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	Hộ nghèo	100	x		010210004666
886	10	2555802010015	Giàng Văn Hải	Nam	07/5/2010	HMông	Phìn Giàng B	Bảo Nhai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010210002496
887	11	2555802010016	Thào Seo Khái	Nam	18/5/2010	Mông	Nhiu Lũng	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	Hộ nghèo	100	x		010210005842

TT	STT lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Hỗ trợ đi lại lần/năm	Hỗ trợ mua đồ dùng cá nhân	Ghi chú
							Thôn	Xã	Tỉnh/ TP						
888	12	2555802010017	Sùng Quốc Khánh	Nam	26/6/2010	HMông	Phìn Giàng C	Bảo Nhai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010210004780
889	13	2555802010018	Sùng Seo Khánh	Nam	11/9/2010	Mông	Xà Phìn	Bản Liền	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010210002580
890	14	2555802010019	Vàng A Lềng	Nam	02/12/2010	HMông	Làng Đá-Sin Chải	Bảo Nhai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010210005352
891	15	2555802010023	Lù Xa Mung	Nam	26/01/2009	HMông	Xà Phìn	Bản Liền	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010209006802
892	16	2555802010024	Hảng Seo Phử	Nam	03/7/2010	Mông	Nậm Hân 2	Bảo Nhai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010210003966
893	17	2555802010026	Lý Seo Quỳnh	Nam	16/10/2010	H'Mông	Nậm Tông	Cốc Lầu	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010210000120
894	18	2555802010027	Ly Seo Sênh	Nam	17/10/2010	HMông	Tả Thò 1	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	Hộ cận nghèo	100	x		010210002080
895	19	2555802010028	Giàng Seo Sờ	Nam	10/10/2010	HMông	Sân Bay	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	Hộ nghèo	100	x		010210005898
896	20	2555802010029	Giàng Seo Sơn	Nam	17/12/2010	HMông	Cốc Lầu	Cốc Lầu	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x	x	010210004112
897	21	2555802010031	Vàng Seo Thắng	Nam	01/11/2010	Mông	Ngải Số	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	Hộ cận nghèo	100	x		010210009084
898	22	2555802010034	Vàng A Tú	Nam	06/02/2010	Tày	Đội 2	Bản Liền	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010210001863
899	23	2555802010035	Bản Thừa Vàng	Nam	22/02/2010	Dao	Bản Lấp	Bảo Nhai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010210004226
900	24	2555802010036	Giàng Văn Vàng	Nam	02/11/2010	Mông	Dì Thàng	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	Hộ nghèo	100	x	x	010210004451
	Lớp Trung cấp Nông nghiệp công nghệ cao K24.4: 22 Học sinh														
901	1	2456201310046	Thào Thị Phương Lan	Nữ	04/7/2009	Mông	Sán Trá Thên Ván	Tả Cù Tỷ	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010309006082
902	2	2456201310047	Giàng Seo Nguyên	Nam	28/9/2009	Mông	Cốc Cài Thượng	Bắc Hà	Lào Cai	xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	x		010209008218
903	3	2456201310052	Lý Thị Tha	Nữ	15/4/2009	Mông	Nậm Tông	Cốc Lầu	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010309006587
904	4	2456201310055	Vũ Xuân Trường	Nam	01/7/2009	Hmông	Sân Bay	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	Hộ cận nghèo	100	x		010209002438
905	5	2456201310057	Hầu Seo Áo	Nam	26/7/2009	HMông	Ngải Số	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	Hộ cận nghèo	100	x		010209001075
906	6	2456201310058	Giàng Seo Chơ	Nam	20/8/2009	Hmông	Sân Bay	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	Hộ nghèo	100	x		010209007730
907	7	2456201310059	Lâm Thị Chuyển	Nữ	01/8/2009	Tày	Đội 2	Bản Liền	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010309009128
908	8	2456201310063	Lý Thị Dín	Nữ	20/10/2009	Mông	Sín Chải	Tả Cù Tỷ	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010309009075
909	9	2456201310065	Vàng Seo Dung	Nam	26/7/2009	Hmông	Dì Thàng	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	Hộ nghèo	100	x		010209007181
910	10	2456201310068	Hoàng Văn Hiếu	Nam	28/02/2009	Dao	Cốc Lầu	Cốc Lầu	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209005559
911	11	2456201310070	Giàng Sào Hội	Nữ	10/4/2009	Phù Lá	Tổng Thượng	Bảo Nhai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010309004797
912	12	2456201310071	Sân Xuân Khánh	Nam	02/01/2009	Phù Lá	Lùng Phình	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209001118
913	13	2456201310072	Lý Thị Lan	Nữ	11/9/2009	Dao	Sáng Mão Phổ	Tả Cù Tỷ	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010309006751
914	14	2456201310073	Thào Minh Lữ	Nam	13/02/2009	Mông	Sín Chải Lùng Chín	Tả Cù Tỷ	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010209005147
915	15	2456201310075	Cư Văn Nam	Nam	03/02/2009	Mông	Hoàng Trù Ván	Tả Cù Tỷ	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010209005009
916	16	2456201310076	Thào Thị Nga	Nữ	11/01/2009	Mông	Ngải Ma Lùng Trù	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	Hộ nghèo	100	x		010309001635
917	17	2456201310077	Giàng Văn Phong	Nam	04/8/2009	Hmông	Làng Phàng Làng Mương	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	Hộ nghèo	100	x		010209008860

TT	STT lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Hỗ trợ đi lại lần/năm	Hỗ trợ mua đồ dùng cá nhân	Ghi chú
							Thôn	Xã	Tỉnh/ TP						
918	18	2456201310081	Sùng A Sơn	Nam	02/12/2009	Mông	Phìn Giàng C	Bảo Nhai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209001101
919	19	2456201310083	Vàng Seo Thành	Nam	07/9/2009	Hmông	Ngải Sồ	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	Hộ nghèo	100	x		010209005736
920	20	2456201310085	Giàng Seo Trưa	Nam	20/5/2009	HMông	Sân Bay	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	Hộ nghèo	100	x		010209001123
921	21	2456201310087	Vàng Anh Tuấn	Nam	24/9/2009	Hmông	Cốc Cài Thượng	Bắc Hà	Lào Cai	xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	x		010209004438
922	22	2456201310091	Vũ Seo Chính	Nam	27/8/2008	Hmông	Sân Bay	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	Hộ nghèo	100	x	x	010208009048
	Lớp Trung cấp Nông nghiệp công nghệ cao K24.8: 26 Học sinh														
923	1	2455802010030	Lừ Seo Sính	Nam	18/4/2009	HMông	Sừ Pà Phìn	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	x		010209004869
924	2	2456201310001	Ma Seo An	Nam	08/6/2009	HMông	Phìn Chư 3	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Cận nghèo	100	x		010029010129
925	3	2456201310003	Hoàng Thị Cá	Nữ	06/01/2009	Mông	Nà Chí Phàng	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	x		010030900950
926	4	2456201310005	Ma Seo Cầu	Nam	23/11/2009	HMông	Seo Cán Hồ	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Cận nghèo	100	x		010309008148
927	5	2456201310007	Hoàng Thị Chư	Nữ	29/6/2009	HMông	Tả Cán Hồ	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Cận nghèo	100	x		010309008248
928	6	2456201310010	Ly Thị Dí	Nữ	16/8/2009	Mông	Mù Tráng Phìn	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Cận nghèo	100	x		010309003445
929	7	2456201310011	Ngải Thị Diệu	Nữ	29/3/2009	HMông	Sín Chải 2	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	x		010309037233
930	8	2456201310012	Giàng Thị Dờ	Nữ	29/8/2007	Mông	Đào Dàn Sán	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	x		010307007280
931	9	2456201310013	Thào Thị Dưa	Nữ	22/12/2008	Mông	Cán Cầu	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Cận nghèo	100	x		010303007814
932	10	2456201310015	Sùng Thị Giáo	Nữ	12/8/2009	Mông	Seo Khai Hóa	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Cận nghèo	100	x		010809007793
933	11	2456201310019	Giàng Văn Hồng	Nam	13/7/2009	Mông	Mản Thẩn	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Cận nghèo	100	x		010209003648
934	12	2456201310021	Ly Seo Mìn	Nam	04/7/2009	Mông	Nà Chí Phàng	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	x		010209005925
935	13	2456201310022	Vàng Seo Mùa	Nam	10/02/2009	Mông	Cốc Rế	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	x		010209005784
936	14	2456201310024	Lừ Thị Nga	Nữ	06/9/2009	HMông	Sừ Pà Phìn	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Cận nghèo	100	x		010309004617
937	15	2456201310025	Giàng Thị Ngân	Nữ	24/4/2009	Mông	Cốc Rế	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Cận nghèo	100	x		010309007638
938	16	2456201310027	Giàng Chúng Páo	Nam	19/01/2009	Mông	Mản Thẩn	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	x		010209010063
939	17	2456201310029	Lừ Thị Sín	Nữ	12/9/2009	Mông	Sín Chải 2	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Cận nghèo	100	x		010309004197
940	18	2456201310030	Giàng Thị Sinh	Nữ	26/02/2009	Mông	Cán Cầu	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	x		010309008983
941	19	2456201310034	Lù Thị Tem	Nữ	25/02/2009	Nùng	Khoán Púng	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	x		010309007328
942	20	2456201310035	Thên Thị Tết	Nữ	24/4/2009	Nùng	Sín Chải 2	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Cận nghèo	100	x		010309008809
943	21	2456201310037	Sùng Hạ Thiên	Nam	24/10/2009	Mông	Cốc Rế	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	x		010209007525
944	22	2456201310038	Vàng Phi Thường	Nam	13/6/2009	Mông	Hô Sáo Chải	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Cận nghèo	100	x		010209002914
945	23	2456201310039	Cư Thị Thủy	Nữ	07/12/2009	Mông	Đào Dàn Sán	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Cận nghèo	100	x		010309005641
946	24	2456201310041	Ma Văn Tuấn	Nam	28/02/2009	HMông	Seo Cán Hồ	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	x		010209003293
947	25	2456201310042	Vàng Thị Xay	Nữ	03/10/2009	Mông	Mản Thẩn	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	x		010309007841

TT	STT lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Hỗ trợ đi lại 1lần/năm	Hỗ trợ mua đồ dùng cá nhân	Ghi chú
							Thôn	Xã	Tỉnh/ TP						
948	26	2456201310043	Giàng Thị Xuân	Nữ	29/10/2009	Mông	Mản Thẩn	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Cận nghèo	100	x		010209003293
	Lớp Trung cấp Nông nghiệp công nghệ cao K25.8: 29 Học sinh														
949	1	2556201310002	Hoàng Thị Cá	Nữ	01/7/2010	Mông	Sáng Chải	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x	x	010310008844
950	2	2556201310003	Cư Thị Chí	Nữ	19/5/2010	Mông	Đào Dần Sán	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010310001630
951	3	2556201310006	Ly Thị Cú	Nữ	16/5/2010	Mông	Giàng Chá Chải	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010310009469
952	4	2556201310007	Giàng Seo Đạt	Nam	05/11/2010	H'Mông	Seo Khai Hóa	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010210008223
953	5	2556201310008	Vàng Thị Dờ	Nữ	30/5/2010	Mông	Mản Thẩn	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010310007127
954	6	2556201310009	Ly Thị Doa	Nữ	16/5/2010	Mông	Đào Dần Sán	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010310001311
955	7	2556201310011	Giàng Thị Dứa	Nữ	04/6/2010	Mông	Seo Cán Hồ	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010310003818
956	8	2556201310012	Ma Thị Dừa	Nữ	25/12/2010	Mông	Seo Cán Hồ	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010310003893
957	9	2556201310013	Hoàng Seo Dương	Nam	27/4/2010	H'Mông	Sáng Chải	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010210003839
958	10	2556201310014	Giàng Thị Hoa	Nữ	23/12/2010	Hmông	Phìn Chư	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010310007786
959	11	2556201310015	Hoàng Thị Hoa	Nữ	10/9/2010	Mông	Tả Cán Hồ	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010310006826
960	12	2556201310017	Ly Seo Là	Nam	24/5/2010	Mông	Đào Dần Sán	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010210006925
961	13	2556201310018	Cư Phà Lèng	Nam	20/11/2010	Mông	Seo Cán Hồ	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010210001993
962	14	2556201310020	Ly Thị Lương	Nữ	25/12/2010	Hmông	Chính Chư Phìn	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010310004647
963	15	2556201310021	Hàng A Minh	Nam	11/02/2009	HMông	Mảo Sao Chải	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	x		010209005379
964	16	2556201310022	Sùng Văn Nam	Nam	17/8/2010	Hmông	Lử Thẩn	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	x	x	010210000133
965	17	2556201310023	Sùng Thị Nhung	Nữ	16/11/2009	H'Mông	Seo Cán Hồ	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x	x	010309004283
966	18	2556201310024	Vàng Thị Núng	Nữ	31/8/2010	Mông	Ngã Ba	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	x		010310002284
967	19	2556201310025	Giàng Thị Phấn	Nữ	23/10/2010	Mông	Sáng Chải	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x	x	010310005669
968	20	2556201310026	Sùng Seo Quân	Nam	15/4/2010	Mông	Lử Thẩn	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x	x	010210004988
969	21	2556201310027	Ma Seo Sì	Nam	14/02/2010	Mông	Seo Cán Hồ	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010210004610
970	22	2556201310028	Giàng Seo Sơn	Nam	19/8/2010	Hmông	Nàng Càng	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010210004614
971	23	2556201310029	Hàng Thị Tầu	Nữ	28/8/2010	Mông	Đào Dần Sán	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	x		010310007523
972	24	2556201310030	Vù Seo Thắng	Nam	09/4/2010	Hmông	Chính Chư Phìn	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010210003685
973	25	2556201310031	Lùng Quỷ Thiên	Nam	29/12/2010	Nùng	Đội 3	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010210008763
974	26	2556201310032	Giàng Thị Thu	Nữ	30/7/2010	Mông	Sáng Chải	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010310004898
975	27	2556201310033	Giàng A Thủy	Nam	05/7/2010	Mông	Ngã Ba	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	x		010210004581
976	28	2556201310034	Sùng Thị Thủy	Nữ	15/11/2010	H'mông	Phìn Chư	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	x		010310001690
977	29	2556201310038	Lồ Thị Xuân	Nữ	02/7/2010	H'mông	Nàn Sín	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010310004120

TT	STT lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Hỗ trợ đi lại 1lần/năm	Hỗ trợ mua đồ dùng cá nhân	Ghi chú
							Thôn	Xã	Tỉnh/ TP						
	Lớp Trung cấp Thú y K24.6: 13 Học sinh														
978	1	2456401010001	Vàng Chí Bình	Nam	28/02/2009	Mông	Cùng Lũng	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		102090081887
979	2	2456401010004	Tráng Khái Chấn	Nam	06/5/2009	Mông	Lao Chải	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	x		010209001967
980	3	2456401010005	Ly Seo Châu	Nam	19/12/2009	Mông	Lò Suối Tùng	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209008720
981	4	2456401010006	Giàng Thị Chư	Nữ	17/11/2009	Mông	Mao Chóa Sủ	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	x		010309005957
982	5	2456401010008	Thào Thị Dương	Nữ	04/12/2009	Mông	Bản Phố	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010309008136
983	6	2456401010011	Sùng Thị Hoa	Nữ	19/11/2009	Mông	Tả Thên A	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	x		103090022344
984	7	2456401010015	Hoàng Duy Lực	Nam	10/11/2009	Nùng	Cốc Chứ	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209002879
985	8	2456401010016	Thào Khái Lương	Nữ	15/9/2009	Mông	Pao Pao Chải	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		090209008309
986	9	2456401010018	Lý Duy Mạnh	Nam	24/6/2009	Giáy	Thịnh Ôi	Bản Lầu	Lào Cai	xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	x		010209009536
987	10	2456401010020	Lù Sừn Ôn	Nam	25/10/2006	Nùng	Cốc Chứ	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010206001735
988	11	2456401010021	Tráng Thín Quang	Nam	05/11/2009	Mông	Sả Chải	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	x		010209007928
989	12	2456401010028	Sùng Văn Trường	Nam	09/9/2009	Mông	Sín Chải	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	x		010209005838
990	13	2456401010031	Thào Thị Dung Xoa	Nữ	14/12/2009	Mông	Mão Sao Chải	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010309001907
	Lớp Trung cấp Thú y K25.8: 16 Học sinh														
991	1	2556401010001	Sùng Văn Chính	Nam	27/3/2010	HMông	Lũng Sán	Lũng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010210004797
992	2	2556401010006	Hầu Seo Đế	Nam	16/7/2010	HMông	Nà Chí Phàng	Lũng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010210004863
993	3	2556401010007	Cư Thị Chờ	Nữ	05/11/2007	HMông	Nàng Càng	Sì Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010307006977
994	4	2556401010010	Hằng Minh Hữu	Nam	28/11/2010	Mông	Cán Cầu	Sì Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010210004735
995	5	2556401010015	Sùng Thị Pằng Mỹ	Nữ	03/8/2010	Mông	Cốc Rế	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	x		010310007577
996	6	2556401010016	Thào Seo Phênh	Nam	27/3/2010	HMông	Xả Chính Chư Phìn	Lũng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	x	x	010210009217
997	7	2556401010019	Giàng Thanh Phương	Nam	25/7/2010	HMông	Lũng Sán	Lũng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	x		010210007851
998	8	2556401010020	Giàng Văn Quý	Nam	28/3/2010	HMông	Lũng Sán	Lũng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	x		010210009127
999	9	2556401010023	Thào A Sềng	Nam	19/7/2010	Mông	Mù Tráng Phìn	Sì Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010210004606
1000	10	2556401010025	Sùng Thị Hà Thanh	Nữ	07/11/2010	Mông	Cốc Rế	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	x		010310008912
1001	11	2556401010027	Giàng A Thìn	Nam	01/01/2010	HMông	Cán Chư Sừ	Sì Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010210005522
1002	12	2556401010030	Sùng Seo Tiến	Nam	29/11/2010	HMông	Lũng Sán	Lũng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	x		010210001279
1003	13	2556401010032	Lèng Thị Kim Tuyên	Nữ	07/11/2010	Nùng	Đội 2	Sì Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010310003985
1004	14	2556401010033	Hằng A Tỷ	Nam	14/7/2010	Mông	Cán Cầu	Sì Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	x		010210008967
1005	15	2556401010035	Thên Thị Vàng	Nữ	25/3/2010	Nùng	Cốc Rế	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010310008503
1006	16	2556401010053	Giàng A Dận	Nam	14/6/2010	Mông	Cán Cầu	Sì Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010210007888

TT	STT lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Hỗ trợ đi lại 1lần/năm	Hỗ trợ mua đồ dùng cá nhân	Ghi chú
							Thôn	Xã	Tỉnh/ TP						
	Lớp Trung cấp Tiếng Trung Quốc K24.5A: 9 Học sinh														
1007	1	2452202090004	Châu Xuân Cường	Nam	18/10/2009	Mông	Sao Cô Sin	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209002206
1008	2	2452202090029	Sùng Seo Hoàng	Nam	15/10/2007	Mông	Nậm Bó	Kiến Thiết	Tuyên Quang	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010207010209
1009	3	2452202090036	Cư Thị Ánh Phi	Nữ	25/7/2009	Mông	Ái Nam	Phong Hải	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010309000101
1010	4	2452202090039	Vàng Seo Phừ	Nam	15/6/2008	Hmông	Hoàng Hạ	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ cận nghèo	100	x		010308009076
1011	5	2452202090041	Giàng Thị Seng	Nữ	30/8/2008	Mông	Bản Dù	Bảo Nhai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		038308022214
1012	6	2452202090047	Ly A Toán	Nam	01/4/2009	Mông	Mù Tráng Phìn	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209002283
1013	7	2452202090049	Lò Anh Tuấn	Nam	24/3/2009	Giáy	Làng Mới	Bản Xèo	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010209007608
1014	8	2452202090051	Đặng Hồng Việt	Nam	28/8/2009	Dao	Ba Xã	Bảo Hà	Lào Cai	xã khu vực II	Hộ nghèo	100	x		010209001648
1015	9	2452202090056	Sùng Thị Yến	Nữ	27/9/2009	Mông	Nậm Bó	Kiến Thiết	Tuyên Quang	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010209007134
	Lớp Trung cấp Tiếng Trung Quốc K25.5: 11 Học sinh														
1016	1	2552202090015	Hoàng Lan Hương	Nữ	17/11/2009	Mông	Thác Dây	Văn Bàn	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ nghèo	100	x		010309000477
1017	2	2552202090020	Giàng Thị Máy	Nữ	10/11/2010	Hmông	Pờ Si Ngải	Bản Xèo	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010310003107
1018	3	2552202090021	Triệu Mùi Mấy	Nữ	16/3/2010	Dao	Nậm Nghi	Thông Nguyên	Tuyên Quang	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		002310008026
1019	4	2552202090030	Lềng Xuân Nguyệt	Nữ	05/3/2010	Nùng	Na Cạp	Cao Sơn	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010310005463
1020	5	2552202090035	Giàng Seo Sùng	Nam	01/10/2010	Hmông	Lao Phú Sáng	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ nghèo	100	x		010210009653
1021	6	2552202090036	Giàng Thị Tám	Nữ	26/11/2008	Mông	Sáng Phìn	Sìn Hồ	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		012308000360
1022	7	2552202090037	Sùng Thị Tăng	Nữ	08/01/2009	Mông	9 Mai Đào	Thượng Hà	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010309003087
1023	8	2552202090038	Hoàng Thị Tánh	Nữ	18/3/2010	Hmông	Bản Páy	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ cận nghèo	100	x		010310007670
1024	9	2552202090040	Tần Thị Phương Thảo	Nữ	16/01/2010	Dao	Thảm Phúc	Bảo Nhai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010310005160
1025	10	2552202090044	Phàn Ty Thu	Nữ	11/8/2010	Dao	Nậm Đó	Cao Sơn	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	x		010310007808
1026	11	2552202090048	Giàng Thị Tùng	Nữ	25/7/2009	Mông	Bản Cầm	Phong Hải	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	x		010309001923

Tổng số HSSV được hỗ trợ đi lại, mua đồ dùng cá nhân: 1026 HSSV/ 141 lớp, trong đó:

- HSSV được hỗ trợ đi lại thuộc Xã khu vực I, II: 147;
- HSSV được hỗ trợ đi lại thuộc Xã khu vực III, Thôn ĐBKK: 879;
- HSSV được hỗ trợ mua đồ dùng cá nhân: 51.